

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC CÔNG THƯƠNG
ĐỊA PHƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **590/CTĐP-KHTH**
V/v trả lời kiến nghị của các Sở
Công Thương tại Hội nghị
ngành Công Thương khu vực
phía Nam năm 2020

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2020

CÔNG VĂN ĐẾN	SỐ: 348
	Ngày: 30/7/2020
	Chuyển:
	Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Sở Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực phía Nam

Để hỗ trợ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước ngành Công Thương của các địa phương trong khu vực phía Nam, Bộ Công Thương giao Cục Công Thương địa phương (Cục CTĐP) phối hợp với Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long tổng hợp các ý kiến đề xuất, kiến nghị của Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong khu vực tại Hội nghị ngành Công Thương khu vực phía Nam lần thứ VII, năm 2020.

Kiến nghị, đề xuất của các Sở Công Thương đã được các Cục, Vụ liên quan thuộc Bộ Công Thương trả lời như phụ lục kèm theo. Cục CTĐP đề nghị các Sở Công Thương nghiên cứu, áp dụng. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa rõ, đề nghị Quý cơ quan phản ánh về Bộ Công Thương (thông qua Cục CTĐP) để phối hợp xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTH.

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đỗ Thị Minh Trâm

MỤC LỤC (97 kiến nghị)

PHẦN A - VỀ LĨNH VỰC QUY HOẠCH (1 kiến nghị)	2
PHẦN B - LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP (31 kiến nghị)	4
I. Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ	4
II. Lĩnh vực cụm công nghiệp	8
III. Lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm, an toàn hoạt động dầu khí	19
IV. Lĩnh vực khuyến công	32
V. Lĩnh vực quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.....	35
PHẦN C - LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI (39 kiến nghị)	36
I. Về hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại)	36
II. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và kinh doanh khí, kinh doanh rượu.....	42
III. Lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế và xuất nhập khẩu.....	47
IV. Lĩnh vực an toàn thực phẩm	49
V. Lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.....	56
VI. Lĩnh vực đăng ký tổ chức hội thảo, hội nghị và hội chợ triển lãm	58
VII. Lĩnh vực thương mại điện tử	59
VIII. Lĩnh vực xúc tiến thương mại	61
IX. Lĩnh vực quản lý cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.....	66
PHẦN D - LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG (19 kiến nghị)	67
I. Lĩnh vực cung cấp điện, tiếp cận điện năng.....	67
II. Lĩnh vực năng lượng tái tạo	73
III. Về Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	83
IV. Công trình điện	84
V. Về cấp giấy phép hoạt động điện lực và chứng chỉ năng lực.....	91
PHẦN E – CÁC NỘI DUNG KIẾN NGHỊ KHÁC (7 kiến nghị)	92

**TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CÁC SỞ CÔNG THƯƠNG TẠI HỘI NGHỊ
NGÀNH CÔNG THƯƠNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC PHÍA NAM
LẦN VII - NĂM 2020, TẠI TỈNH VĨNH LONG**

(Kèm theo Công văn số /CTĐP-KHTH ngày tháng 7 năm 2020
của Cục Công Thương địa phương)

PHẦN A - VỀ LĨNH VỰC QUY HOẠCH

1. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Tháp)

Hướng dẫn tích hợp quy hoạch ngành vào quy hoạch tỉnh

Ngày 02/12/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 110/NQ-CP về việc Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 59 Luật Quy hoạch. Nhằm đảm bảo sự đồng bộ, hiệu quả trong quá trình triển khai lập quy hoạch tỉnh, đề nghị Bộ Công Thương xem xét, ban hành văn bản hướng dẫn về phương pháp, nội dung trong lĩnh vực quản lý để Sở Công Thương các địa phương có cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung đề xuất trong quá trình xây dựng quy hoạch tỉnh.

Trả lời (Vu KH):

a) Về nội dung quy hoạch:

Nội dung Quy hoạch tỉnh được quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP.

Theo Luật Quy hoạch, các quy hoạch ngành công thương cấp tỉnh sẽ không lập riêng mà tích hợp vào trong Quy hoạch Tỉnh. Vì vậy, để đảm bảo công tác quản lý nhà nước ngành công thương trong quá trình thực hiện quy hoạch, đề nghị Sở Công Thương lưu ý, tham mưu những nội dung của ngành công thương trong Quy hoạch tỉnh như sau:

- Định hướng phát triển công nghiệp, thương mại của Tỉnh, định hướng không gian để phát triển công nghiệp, thương mại tỉnh.

- Hạ tầng điện: nội dung phát triển điện lực tỉnh, các công trình cấp điện, mạng lưới điện truyền tải và phân phối.

- Hạ tầng thương mại: nội dung về hạ tầng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm logistics, hội chợ triển lãm, kho xăng dầu khí đốt quy mô cấp tỉnh.

- Hạ tầng công nghiệp: phương án phát triển khu, cụm công nghiệp - Trước đây là quy hoạch phát triển khu công nghiệp, quy hoạch phát triển cụm công nghiệp.

- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng các loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành.

b) Về thực hiện tích hợp:

Trách nhiệm của cơ quan lập quy hoạch được quy định Điều 11 tại Nghị định 37/2019/NĐ-CP. Theo đó, cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện việc tích hợp các nội dung do các cơ quan, tổ chức có liên quan đề xuất tích hợp vào quy hoạch tỉnh, bao gồm các hoạt động được quy định tại khoản 6 Điều 11, gồm:

- Rà soát nội dung quy hoạch do cơ quan, tổ chức liên quan đề xuất; xác định nguyên tắc và cách thức tích hợp các nội dung quy hoạch vào quy hoạch cần lập; xác định các nội dung quy hoạch chồng chéo, mâu thuẫn, các đề xuất không hợp lý và thiếu khả thi trong thời kỳ quy hoạch; việc kết hợp và lồng ghép nội dung quy hoạch do cơ quan, tổ chức liên quan đề xuất;

- Xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng; xác định các khu vực ưu tiên, khuyến khích và hạn chế phát triển về kinh tế, xã hội, hạ tầng, đô thị hóa; xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch, luận chứng xây dựng danh mục các dự án quan trọng và thứ tự ưu tiên thực hiện;

- Xây dựng và lựa chọn phương án tích hợp nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức liên quan đề xuất vào quy hoạch cần lập; yêu cầu cơ quan, tổ chức liên quan điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch cần lập;

- Trường hợp còn có ý kiến khác nhau về việc tích hợp nội dung quy hoạch vào quy hoạch cần lập, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, đề xuất lựa chọn phương án, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch xem xét quyết định; thực hiện điều chỉnh phương án tích hợp nội dung quy hoạch vào quy hoạch cần lập và hoàn thiện quy hoạch theo ý kiến kết luận của cơ quan tổ chức lập quy hoạch.

Ngoài ra, các quy hoạch thuộc danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ được thực hiện cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định, phê duyệt. Các nội dung của các quy hoạch này được kế thừa trong quá trình rà soát, lập

quy hoạch thời kỳ 2021-2030 hiện nay các ngành, các cấp, các địa phương đang triển khai thực hiện.

Đề nghị Sở Công Thương căn cứ các quy định tại Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ và nhiệm vụ được giao để tham mưu xây dựng quy hoạch tỉnh cho phù hợp với thực tế của địa phương.

PHẦN B - LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP

I. Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ

1. Kiến nghị (SCT tỉnh An Giang)

Về phát triển công nghiệp hỗ trợ

- Bộ Công Thương cần tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước về chính sách, quản lý, công nghệ, thương mại phục vụ phát triển CNHT địa phương; Sớm xây dựng và vận hành trang thông tin quốc gia về công nghiệp hỗ trợ.

- Hiện nay, trình độ khoa học công nghệ, quản lý sản xuất, ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại vào sản xuất của doanh nghiệp để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế còn nhiều hạn chế; đề nghị Bộ Công Thương cần tập trung nguồn lực, hỗ trợ doanh nghiệp nội dung này để phát triển công nghiệp hỗ trợ trong thời gian tới.

Trả lời (Cục CN):

Thực hiện theo Quyết định 68/QĐ-TTg ngày 18/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã triển khai Chương trình phát triển Công nghiệp hỗ trợ (CNHT) đến năm 2025, giao Cục Công nghiệp thực hiện quản lý trực tiếp Chương trình. Trong Chương trình phát triển CNHT có rất nhiều các đề án thuộc nội dung đào tạo, tư vấn hỗ trợ về chính sách, quản lý, công nghệ, thương mại phục vụ phát triển CNHT thu hút sự tham gia của nhiều cán bộ quản lý Nhà nước, điển hình như:

- Năm 2018, Cục Công nghiệp đã triển khai đề án “Tổ chức các khóa đào tạo chuyên gia tư vấn nâng cao năng lực quản lý chất lượng trong lĩnh vực CNHT”, trong đó đối tượng đào tạo của đề án bao gồm các cán bộ quản lý Nhà nước cấp TW, địa phương cho đến các giảng viên các trường đại học. Với mục tiêu đào tạo ra các chuyên gia tư vấn nâng cao năng lực quản lý chất lượng trong lĩnh vực CNHT, tạo nguồn nhân lực tư vấn cấp Nhà nước để triển khai, phổ cập đào tạo xuống các đơn vị trực thuộc, các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Năm 2019, Cục Công nghiệp giao thực hiện đề án “Xây dựng và tổ chức các khóa đào tạo cho cán bộ quản lý nhà nước về chính sách CNHT” cho Trường đào tạo bồi dưỡng cán bộ Công Thương TW chủ trì. Đề án đã xây dựng bộ tài liệu đào tạo với 5 chuyên đề về chính sách, cơ chế quản lý phát triển CNHT và tổ chức 14 khóa đào tạo, 30 học viên/khóa, các học viên tham gia là cán bộ thuộc Sở Công Thương các tỉnh; cán bộ thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư/ Sở Tài chính, Ban quản lý các khu công nghiệp, Công ty/Tổng Công ty, Hiệp hội/Ngành hàng.

Nhận biết được những hạn chế của doanh nghiệp CNHT về trình độ KHCN, quản lý sản xuất, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến hiện đại vào sản xuất của doanh nghiệp để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, Cục Công nghiệp –Bộ Công Thương triển khai Chương trình phát triển CNHT hàng năm đều tập trung vào các nội dung “Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất” với số lượng lớn các đề án đào tạo, tư vấn doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn trong sản xuất, chất lượng, tổ chức cải tiến sản xuất trực tiếp tại doanh nghiệp; và nội dung “Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu” nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, chuyển giao/đổi mới công nghệ.

Hiện nay, Bộ Công Thương đã tạo lập Cổng thông tin điện tử tại địa chỉ tên miền Vsi.gov.vn là nơi cung cấp nhiều thông tin mang tính thời sự về CNHT, thị trường, sự kiện, văn bản quy phạm pháp luật của TW và địa phương liên quan đến lĩnh vực CNHT. Ngoài ra Cổng thông tin cho phép doanh nghiệp tự đánh giá sơ bộ năng lực qua chuyên mục Khảo sát, cũng như trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm qua chuyên mục Diễn đàn. Cổng thông tin điện tử CNHT đã tích hợp hệ thống Cơ sở dữ liệu (CSDL) các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (CBCT) và CNHT.

Hệ thống CSDL đã cập nhật thông tin của hơn 3500 doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực: Cơ khí chế tạo; Sản xuất, lắp ráp ô tô; Điện tử; Dệt may; góp phần hình thành mạng lưới liên kết giúp các doanh nghiệp, các nhà đầu tư tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu kết nối đầu tư, tăng cường cơ hội hợp tác giữa các doanh nghiệp Việt Nam và các tập đoàn đa quốc gia. Bên cạnh đó, hệ thống CSDL tạo thuận lợi cho công tác khảo sát, thống kê và trích xuất dữ liệu về ngành công nghiệp CBCT và CNHT góp phần hỗ trợ các cơ

quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý, theo dõi, giám sát và hoạch định chính sách phát triển ngành.

Được xây dựng trên nền tảng công nghệ hiện đại, hệ thống này cho phép tích hợp CSDL của nhiều địa phương để trở thành một trang CSDL quốc gia về ngành công nghiệp CBCT và CNHT.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Tiền Giang)

Hiện Sở Công Thương đang dự thảo Quy chế xây dựng, tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các đề án thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tại địa phương và đã lấy ý kiến các sở, ngành, đơn vị có liên quan. Nội dung dự thảo quy chế có quy định số lượng hồ sơ, thành phần hồ sơ, thời gian nộp hồ sơ, nơi nộp hồ sơ, đơn vị nộp hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo Quyết định số 4572/QĐ-BCT ngày 07/12/2017 của Bộ Công Thương. Căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính) thì thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ là bộ phận tạo thành thủ tục hành chính.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4, Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì thủ tục hành chính phải được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chỉ được quy định trong trường hợp được Luật giao. Do đó, đề nghị hướng dẫn hình thức ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật hay văn bản cá biệt.

Trả lời (Cục CN):

Hiện nay, Quyết định 4572/QĐ-BCT ngày 07/12/2017 do Bộ Công Thương ban hành đã được thay thế bằng Quyết định số 1403/QĐ-BCT ngày 28/5/2020 về việc ban hành quy chế xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình phát triển CNHT. Việc ban hành văn bản đã được quy định tại mục IV Tổ chức thực hiện tại Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển CNHT từ năm 2016 đến năm 2025, theo đó:

- Tại điểm a khoản 1: “Bộ Công Thương xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn tổ chức thực hiện về phát triển CNHT theo Chương trình được duyệt”

- Tại khoản 4: “Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện để bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách và các quy định hiện hành: nghiên cứu hình thành các trung tâm phát triển CNHT”.

3. Kiến nghị (SCT tỉnh Tiền Giang)

Về sản xuất rượu công nghiệp

Căn cứ Khoản 6, Điều 19, Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu thì doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp khi tiến hành thực hiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy sản xuất rượu công nghiệp, một trong số các thành phần hồ sơ doanh nghiệp phải nộp là “Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật”. Tuy nhiên, quy định chưa hướng dẫn cụ thể “bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn của cán bộ kỹ thuật” là “bằng cấp” có trình độ thế nào (trung cấp, cao đẳng, đại học,...), “giấy chứng nhận chuyên môn” là những chuyên ngành nào. Đề nghị Bộ Công Thương có hướng dẫn cụ thể các trường hợp nêu trên để Sở Công Thương có thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao đúng quy định.

Trả lời (Cục CN):

Khoản 6 Điều 8 (về Điều kiện sản xuất rượu công nghiệp) Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu quy định: “Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu”.

Thành phần hồ sơ yêu cầu đối với điều kiện trên khi đề nghị cấp giấy phép sản xuất rượu được quy định cụ thể tại Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP là: “Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật”.

Về cấp độ của bằng cấp và giấy chứng nhận chuyên môn, Nghị định 105/2017/NĐ-CP không quy định yêu cầu cụ thể cấp độ bằng cấp, giấy chứng nhận phải như thế nào (trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học...), cũng không quy định yêu cầu cụ thể về hình thức đào tạo nào (chính quy, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng...). Như vậy, miễn là có bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn phải được cơ quan có thẩm quyền cấp và chuyên môn được đào tạo phải phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu là đáp ứng được điều kiện trên. Quy định này vừa tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép vừa bảo đảm mục

tiêu quản lý nhà nước về sản xuất rượu thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Nghị định 105/2017/NĐ-CP không có quy định cụ thể những chuyên ngành nào là phù hợp với sản xuất rượu. Tuy nhiên, theo quy định của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, rượu thuộc danh mục các sản phẩm thực phẩm. Vì vậy, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có thể nghiên cứu, tham khảo một số chuyên ngành về thực phẩm như: Công nghệ thực phẩm, công nghệ sinh học, kỹ thuật thực phẩm, kỹ thuật sinh học, hóa thực phẩm, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm....để xem xét khi làm thủ tục cấp giấy phép sản xuất rượu cho doanh nghiệp.

II. Lĩnh vực cụm công nghiệp

1. Kiến nghị (SCT tỉnh An Giang)

- Trong điều kiện ngân sách địa phương rất hạn hẹp, đề nghị Bộ Công Thương cân đối nguồn vốn, hỗ trợ địa phương lập quy hoạch chi tiết, đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nâng cấp, sửa chữa hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho các CCN trên địa bàn tỉnh từ Chương trình Khuyến công Quốc gia để tăng khả năng thu hút, mời gọi đầu tư, đặc biệt tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Có cơ chế, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương thực hiện trình tự, thủ tục bổ sung, xóa bỏ quy hoạch CCN đáp ứng nhu cầu đẩy mạnh kêu gọi, thu hút đầu tư, phát triển cụm công nghiệp nói riêng và kinh tế - xã hội địa phương nói chung.

- Phối hợp với Bộ Nội vụ, sớm có Quy định hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, biên chế, tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

Trả lời (Cục CTDP):

- Thời gian qua, nguồn ngân sách cấp cho Chương trình khuyến công quốc gia (KCQG) hàng năm còn hạn hẹp (trung bình giai đoạn 2016-2019 khoảng 100 tỷ đồng/năm), nội dung hỗ trợ CCN (lập QHCT, đầu tư hạ tầng, hỗ trợ hệ thống xử lý nước thải chung CCN) chỉ là một trong nhiều nội dung của hoạt động khuyến công, tuy nhiên hàng năm Bộ Công Thương vẫn quan tâm bố trí khoảng 10% kinh phí cho hoạt động này.

Giai đoạn 2016 – 2020, tỉnh An Giang không đề xuất xây dựng đề án KCQG hỗ trợ cho hoạt động này. Thời gian tới, căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quy định của Chương trình KCQG, Sở Công Thương rà soát các CCN có khả năng phát huy hiệu quả đầu tư, xây dựng Đề án KCQG, gửi Bộ Công Thương (Cục CTĐP) xem xét hỗ trợ; đồng thời, Sở Công Thương báo cáo UBND Tỉnh quan tâm bố trí NSĐP đầu tư hạ tầng các CCN để nhanh chóng hoàn thiện hạ tầng, thu hút lấp đầy, phát huy hiệu quả các CCN trên địa bàn.

- Hiện nay, việc bổ sung, điều chỉnh rút CCN khỏi quy hoạch được thực hiện theo trình tự, quy định tại Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN và Nghị định 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 68/2017/NĐ-CP; theo đó:

+ Đối với các địa phương chưa có quy hoạch tỉnh được phê duyệt theo Luật Quy hoạch, đã có quy hoạch phát triển CCN được phê duyệt trước ngày 01/01/2019 (còn hiệu lực) thì trong quá trình thực hiện tiếp tục được điều chỉnh, bổ sung quy hoạch CCN theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP (Điều 7, 8 và 9) cho đến khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

+ Đối với các tỉnh/thành phố đã có quy hoạch tỉnh được phê duyệt theo Luật Quy hoạch, việc điều chỉnh phương án phát triển các CCN nằm trong quy hoạch tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định 66/2020/NĐ-CP (các Khoản 5, 6 và 7 Điều 1).

Vì vậy, Sở Công Thương tỉnh An Giang căn cứ vào quy định, hướng dẫn trên, tình hình thực tế của địa phương để tham mưu UBND Tỉnh thực hiện cho phù hợp.

- Căn cứ quy định tại Điều 40 Nghị định 68/2017/NĐ-CP, Bộ Công Thương đã đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, biên chế, tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN. Tuy nhiên, Bộ Nội vụ đã có ý kiến, về tổ chức hoạt động của các đơn vị trên thực hiện theo quy định tại Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các đơn vị trên thực hiện theo quy định tại Điều 20, 21 Nghị định 68/2017/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng

dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP. Vì vậy, Sở Công Thương căn cứ các quy định nêu trên để tham mưu, chỉ đạo thực hiện theo thẩm quyền.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Bình Thuận)

Trong quá trình thực hiện Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (Nghị định 68/2017/NĐ-CP) và Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 21/8/2017 của Bộ Công Thương Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP (Thông tư 15/2017/TT-BCT), Sở Công Thương Bình Thuận gặp một số nội dung còn vướng mắc trong công tác tham mưu UBND tỉnh và hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) triển khai công tác quản lý nhà nước về cụm công nghiệp; Đề nghị Cục Công Thương địa phương – Bộ Công Thương có hướng dẫn thực hiện các nội dung như sau:

2.1. Theo quy định tại Nghị định 68/2017/NĐ-CP và Thông tư 15/2017/TT-BCT, chưa quy định về trình tự, hồ sơ đề nghị điều chỉnh Quyết định thành lập cụm công nghiệp.

2.2. Đối với các cụm công nghiệp được UBND tỉnh phê duyệt thành lập trước khi Nghị định 68/2017/NĐ-CP và Thông tư 15/2017/TT-BCT có hiệu lực và giao cho doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

- Trường hợp 1: Hiện nay, UBND tỉnh đã thu hồi chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp đối với doanh nghiệp; theo đó, cụm công nghiệp này không có chủ đầu tư hạ tầng. Như vậy, Quyết định thành lập cụm công nghiệp này còn hiệu lực không? Trường hợp còn hiệu lực, UBND cấp huyện đề nghị điều chỉnh các nội dung (như: bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư...) trong Quyết định thành lập này có đúng quy định không? (vì khi điều chỉnh xong thì UBND cấp huyện không triển khai được các công tác tiếp theo để đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, UBND cấp huyện này không có Trung tâm phát triển cụm công nghiệp và không thành lập Ban quản lý cụm công nghiệp). Nếu có, thì điều chỉnh mục nội dung ghi chủ đầu tư hạ tầng cụm như thế nào?

- Trường hợp 2: Doanh nghiệp chậm triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp thì việc tham mưu UBND tỉnh thu hồi chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp sẽ do cơ quan nào thực hiện, Sở Công Thương Bình Thuận hay Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Thuận. Vì trước khi Nghị định 68/2017/NĐ-CP và Thông tư 15/2017/TT-BCT có hiệu lực thì Sở Công Thương

Bình Thuận tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập cụm công nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Thuận tham mưu UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư cho doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng cụm. Tuy nhiên, hiện nay, theo quy định tại Nghị định 68/2017/NĐ-CP và Khoản 1, Điều 10 Thông tư 15/2017/TT-BCT thì việc thành lập cụm công nghiệp mới do Sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh và không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

2.3. Đối với các cụm công nghiệp được UBND tỉnh phê duyệt thành lập trước khi Nghị định 68/2017/NĐ-CP và Thông tư 15/2017/TT-BCT có hiệu lực và giao UBND cấp huyện hoặc Trung tâm phát triển cụm công nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp. Hiện nay, Trung tâm phát triển cụm công nghiệp đã giải thể thì các Quyết định thành lập này còn hiệu lực không? nếu còn hiệu lực, UBND cấp huyện đề nghị điều chỉnh các nội dung quyết định thành lập có đúng quy định không? nếu có, thì điều chỉnh mục nội dung ghi chủ đầu tư hạ tầng cụm như thế nào?

Trả lời (Cục CTDP):

2.1. Nghị định 68/2017/NĐ-CP và Thông tư 15/2017/TT-BCT quy định, hướng dẫn về trình tự, hồ sơ đề nghị thành lập CCN; tuy nhiên chưa quy định, hướng dẫn về trình tự, hồ sơ đề nghị điều chỉnh Quyết định thành lập CCN. Về nguyên tắc, trình tự, thẩm quyền điều chỉnh Quyết định thành lập CCN áp dụng tương tự như đối với việc thành lập CCN.

2.2. Đối với các CCN được UBND tỉnh phê duyệt thành lập trước khi Nghị định 68/2017/NĐ-CP và Thông tư 15/2017/TT-BCT có hiệu lực và giao cho doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng CCN.

- Trường hợp 1: UBND tỉnh đã thu hồi chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng CCN đối với doanh nghiệp làm chủ đầu tư, có nghĩa là CCN này không có chủ đầu tư để triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư vào CCN. Như vậy, Quyết định thành lập CCN này không còn hiệu lực đối với nội dung liên quan đến chủ đầu tư. Trong trường hợp này, đề nghị UBND tỉnh xem xét quyết định lựa chọn chủ đầu tư khác (theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 66/2020/NĐ-CP) và điều chỉnh các nội dung khác (nếu có) trong quyết định thành lập CCN (như: bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư,...) và phê duyệt quyết định điều chỉnh theo thẩm quyền.

- Trường hợp 2: Cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư hoặc thu hồi chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định, phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh (được thể hiện tại Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về CCN trên địa bàn tỉnh).

2.3. Nội dung này tương tự như trường hợp 1 mục 2.2.

3. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Nai)

Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo, giao Bộ Tài nguyên – Môi trường và Bộ Tài chính thống nhất về việc có phải thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án ưu đãi đầu tư, cụ thể dự án đầu tư xây dựng hạ tầng CCN.

Qua rà soát, thẩm định nhu cầu sử dụng đất, Sở Công Thương Đồng Nai nhận thấy một số trường hợp CCN có một phần diện tích đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp quản lý, cụ thể: CCN Vĩnh Tân (tổng diện tích khoảng 49,8 ha, trong đó khoảng 11.558,0m² là đất do UBND xã Vĩnh Tân quản lý), CCN Trị An (tổng diện tích khoảng 48,7 ha, trong đó khoảng 10.08 ha là đất do Công ty CP Tập đoàn Tân Mai được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm để sử dụng vào mục đích trồng rừng), CCN Gốm Tân Hạnh (tổng diện tích 54,83 ha, do Nhà nước bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách, tổng mức đầu tư khoảng 225 tỷ).

Trong quá trình thực hiện thủ tục pháp lý về đầu tư, các dự án nêu trên không thể triển khai được do có sự chưa thống nhất trong việc có hay không thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án ưu đãi đầu tư, cụ thể:

- Theo quy định tại, Điều 1, Mục III, Phần B, Phụ lục 1, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư): Đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư.

- Căn cứ theo quy định tại Nghị định 68/2017/NĐ-CP, ngày 25/5/2017 về quản lý, phát triển CCN thì dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN được miễn tiền thuê đất 11 năm (miễn có thời hạn).

- Căn cứ Luật đất đai năm 2013; Điểm b, Khoản 2, Điều 118 qui định các trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất bao gồm: “b) Sử dụng đất được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất quy định tại Điều 110 của Luật này”.

- Điểm a, Khoản 1, Điều 110 Luật đất đai 2013 quy định việc miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện trong trường hợp “sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại.”

- Như vậy nếu căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 118 và Điểm a, Khoản 1, Điều 110 Luật đất đai 2013 thì các dự án sản xuất, kinh doanh (trừ dự án nhà ở thương mại) thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật đầu tư, nếu sử dụng đất do Nhà nước trực tiếp quản lý thì không phải đấu giá quyền sử dụng đất.

- Tuy nhiên quá trình thực hiện, có ý kiến cho rằng chỉ những dự án đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước toàn bộ thời hạn đầu tư thì không tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất; trường hợp chỉ được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước có thời hạn thì tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.

Ví dụ thực tế, trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu có CCN Vĩnh Tân đã được UBND tỉnh phê duyệt Quyết định thành lập số 3739/QĐ-UBND ngày 24/10/2017, đơn vị đề xuất đầu tư dự án đã nộp hồ sơ đề nghị cấp chủ trương đầu tư từ tháng 5/2018. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, vì lý do trong phạm vi quy hoạch CCN Vĩnh Tân có khoảng 11.558,0m² / 498.000 m² là đất do UBND xã Vĩnh Tân quản lý.

Trả lời (Cục CTĐP):

Việc lựa chọn các doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN được thực hiện trong giai đoạn thành lập, mở rộng CCN theo trình tự, quy định tại 68/2017/NĐ-CP và Nghị định 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 68/2017/NĐ-CP (có hiệu lực từ 15/8/2020). Theo đó, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN không phải thực hiện thông qua đấu giá quyền sử dụng đất mà thực hiện theo hình thức thẩm định hồ sơ, quyết định thành lập/mở rộng CCN của UBND cấp tỉnh.

Trong quá trình thẩm định thành lập, mở rộng CCN, Sở Công Thương báo cáo UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư để chấm điểm với thang điểm 100 cho các tiêu chí: phương án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (tối đa 15 điểm); phương án quản lý, bảo vệ môi trường CCN (tối đa 15 điểm); năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã (tối đa 30 điểm) và

phương án tài chính đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (tối đa 40 điểm). Doanh nghiệp, hợp tác xã có số điểm từ 50 trở lên được UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại quyết định thành lập, mở rộng CCN (trường hợp có từ hai doanh nghiệp, hợp tác xã trở lên cùng đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thì giao doanh nghiệp, hợp tác xã có số điểm cao nhất).

Trường hợp dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN theo hình thức đối tác công tư thì lựa chọn chủ đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

4. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Nai)

Kiến nghị bổ sung ưu đãi đầu tư CCN tương tự như KCN theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư:

a. Quy định về xác định địa bàn ưu đãi đầu tư, ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư:

- Theo quy định tại phụ lục 1 “Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư” ban hành kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư có quy định như sau:

- Xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp: thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (khoản 2 mục III phần A).

- Xây dựng, phát triển hạ tầng cụm công nghiệp: thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư (khoản 1 mục III phần B).

- Theo quy định tại phụ lục II “Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư” ban hành kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ có quy định như sau: Khu công nghiệp, khu chế xuất được thành lập theo quy định của Chính phủ thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khoản 55).

- Quy định tại điểm e khoản 2 Điều 16 Nghị định 118/2015/NĐ-CP: Ưu đãi tiền thuê đất theo địa bàn khu công nghiệp, khu chế xuất quy định tại Mục 55 Phụ lục II Nghị định này không áp dụng đối với dự án đầu tư tại các khu công nghiệp, khu chế xuất thuộc các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh

b. Chính sách ưu đãi đầu tư đối với ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp):

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:

- Tại điểm c khoản 3 Điều 19: Mười một (11) năm đối với dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

- Tại điểm d khoản 3 Điều 19: Mười lăm (15) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Ký quỹ đầu tư (tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị định 118/2015/NĐ-CP): Giảm 50% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghệ cao, khu kinh tế, kể cả dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu kinh tế.

c. Chính sách ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (dự án thứ cấp đầu tư vào khu công nghiệp):

- Ưu đãi về tiền thuê đất: Tại điểm khoản 3 Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP: Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước sau thời gian được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cụ thể như sau: Bảy (7) năm đối với dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19/6/2013:

- Tại điểm a khoản 3 Điều 13: Áp dụng thuế suất 20% trong thời gian mười năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thu nhập của doanh nghiệp quy định tại khoản này được áp dụng thuế suất 17%.

- Tại khoản 2 Điều 14: Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 3 Điều 13 của Luật này và thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghiệp, trừ khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi theo quy định của pháp luật được miễn thuế tối đa không quá hai năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá bốn năm tiếp theo.

- Ký quỹ đầu tư (tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị định 118/2015/NĐ-CP: Giảm 25% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, kể cả dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất.

d. Chính sách ưu đãi đầu tư đối với ngành, nghề ưu đãi đầu tư (đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp):

- Quy định miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước: Ba (3) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

- Tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị định 118/2015/NĐ-CP: Giảm 25% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, kể cả dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất.

e. Riêng đối với dự án thứ cấp đầu tư vào cụm công nghiệp, không được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư, do không thuộc “Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư” được quy định tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

Kiến nghị: Xuất phát từ sự khác biệt về chính sách ưu đãi đầu tư giữa khu công nghiệp và cụm công nghiệp theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ, UBND tỉnh Đồng Nai kiến nghị Bộ Công Thương thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Chính phủ sớm bổ sung “Cụm công nghiệp” vào “Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư” theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ; bổ sung dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng CCN vào “Danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư” tương tự như khu công nghiệp.

5. Kiến nghị (SCT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

Đề nghị Bộ Công Thương kiến nghị Chính phủ xem xét tăng mức ưu đãi (trong Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN) đối với doanh nghiệp đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và doanh nghiệp đầu tư dự án thứ cấp trong cụm công nghiệp. Vì hiện nay, các chính sách ưu đãi cho cụm công nghiệp thấp hơn chính sách ưu đãi cho khu công nghiệp,

trong khi quy mô cụm công nghiệp nhỏ, tối đa 75ha, nhưng khi lập quy hoạch chi tiết vẫn phải theo quy định chung như khu công nghiệp (tỷ lệ cây xanh, đường giao thông, các hạ tầng kỹ thuật khác,...), làm cho suất đầu tư của cụm công nghiệp cao, dẫn đến giá cho thuê đất của cụm công nghiệp cao, khó thu hút các dự án thứ cấp vào cụm công nghiệp, làm ảnh hưởng đến việc phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua. Mặt khác các doanh nghiệp thứ cấp trong cụm công nghiệp là DNNVV cần có sự hỗ trợ để phát triển bền vững.

Trả lời kiến nghị 4.5 (Cục CTĐP):

Trong quá trình xây dựng Nghị định 68/2017/NĐ-CP, Bộ Công Thương đã tham mưu, trình Chính phủ xem xét ưu đãi đầu tư đối với CCN. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của Nghị định, Chính phủ đã quy định một số nội dung ưu đãi, hỗ trợ cụ thể đối với CCN như sau:

- Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN được miễn tiền thuê đất 7 năm;
- Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN được miễn tiền thuê đất 11 năm, được xem xét vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước với mức không quá 70% tổng mức đầu tư, được xem xét đầu tư theo hình thức đối tác công tư;
- Quy định nguyên tắc CCN thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, bổ sung CCN vào Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN vào Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư; giao Bộ Tài chính tổng hợp, bổ sung và hướng dẫn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật và dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN theo quy định của pháp luật);
- Quy định nguyên tắc hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN được thực hiện theo Chương trình mục tiêu được phê duyệt trong từng giai đoạn; quy định hỗ trợ hoạt động phát triển CCN để làm căn cứ cho Sở Công Thương, Bộ Công Thương tổ chức triển khai các hoạt động liên quan đến phát triển CCN.
- Ngoài ra, Nghị định quy định điều kiện và ưu đãi, hỗ trợ cụ thể đối với CCN làng nghề: Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN làng nghề được miễn tiền thuê đất 11 năm và được xem xét vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước với mức không quá 70% tổng mức đầu tư; Dự án đầu tư kinh doanh hạ

tăng kỹ thuật CCN được miễn tiền thuê đất 15 năm và được xem xét vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước với mức không quá 70% tổng mức đầu tư; ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí di dời các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề vào CCN làng nghề; ngân sách trung ương và ngân sách địa phương xem xét ưu tiên hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật CCN làng nghề.

Đối với các đề nghị ưu đãi cao hơn (như: thuế, địa bàn ưu đãi đầu tư, ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư,...) phải được xử lý trong quá trình sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật khác (pháp luật về thuế, pháp luật về đầu tư,...). Vì vậy, Bộ Công Thương ghi nhận kiến nghị nêu trên của Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai và Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu để tiếp tục đề xuất/kiến nghị cơ quan có thẩm quyền trong quá trình sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; đồng thời, đề nghị Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai và Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham mưu UBND Tỉnh có văn bản về các vướng mắc nêu trên, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, nghiên cứu để tham mưu trong quá trình sửa đổi pháp luật về đầu tư, pháp luật thuế.

6. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Nai)

Về phát triển Cụm liên kết ngành

Căn cứ Thông báo kết luận số 70/TB-VPCP ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ Việt Nam. Theo đó có giao UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: “Phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng quy hoạch một số khu công nghiệp tập trung theo mô hình cụm liên kết ngành, để phát triển các nguyên phụ liệu quan trọng như sợi, dệt, nhuộm, da, vật liệu mới và có cơ chế chính sách hỗ trợ phù hợp”.

- Theo quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, có quy định như sau:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, có quy định: “1. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 5 Nghị định này”.

• Theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ, có quy định: “1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa”.

Từ những cơ sở nêu trên, việc quy hoạch khu, cụm công nghiệp tập trung theo mô hình cụm liên kết ngành, nhằm phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ (CNHT) là cần thiết. Tuy nhiên, đến nay các Bộ ngành vẫn chưa có văn bản quy định, hướng dẫn cách thức thực hiện quy hoạch và triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp tập trung theo mô hình cụm liên kết ngành (cụ thể như liên kết những ngành nào, công tác phối hợp thực hiện giữa các ngành,...).

Trả lời (Cục CTDP):

Theo quy định (tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN), việc đề xuất, quyết định sắp xếp, quy hoạch các CCN trên địa cấp tỉnh theo hướng chuyên ngành, bố trí các ngành, nhóm ngành liên kết trong CCN do UBND cấp tỉnh quyết định. Căn cứ định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp của Tỉnh, khả năng thu hút đầu tư các ngành, lĩnh vực sản xuất phù hợp, UBND cấp tỉnh Đồng Nai hoàn toàn chủ động chỉ đạo rà soát quy hoạch, hiệu quả đầu tư các CCN trên địa bàn để đề xuất, xây dựng các CCN theo hướng chuyên ngành hoặc liên kết các ngành trong CCN cho phù hợp, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp vướng mắc về pháp lý, đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai có văn bản đề xuất, gửi về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết.

III. Lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm, an toàn hoạt động động dầu khí

1. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

1.1. Đối với sản phẩm sơn, mực in, keo dán dùng trong công nghiệp

Tại điểm c, khoản 11 Điều 1 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất (được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương) đã quy định “Chất phóng xạ; vật liệu xây dựng; sơn, mực in; keo dán và sản phẩm tẩy rửa sử dụng trong lĩnh vực gia dụng” không thuộc phạm vi quản lý của Nghị định 113/2017/NĐ-CP. Đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn rõ hơn về các sản phẩm sơn, mực in, keo dán dùng trong công nghiệp (có đặc

tính nguy hiểm cao) thì có thuộc phạm vi quản lý của Nghị định 113/2017/NĐ-CP không.

Trả lời (Cục HC):

Ngày 05/02/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 17/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương. Theo đó, tại điểm c khoản 1 Điều 8 sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất quy định: Các sản phẩm sơn, mực in, keo dán dùng trong công nghiệp không thuộc đối tượng hóa chất được điều chỉnh của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

1.2. Về quản lý sử dụng tiền chất công nghiệp

Đề nghị Bộ Công Thương sớm ban hành quy định cụ thể về quản lý hoạt động sử dụng tiền chất công nghiệp (do Thông tư 42/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương quy định quản lý, kiểm soát tiền chất trong lĩnh vực công nghiệp đã hết hiệu lực thi hành) vì thực tế trong lĩnh vực công nghiệp có sử dụng khối lượng lớn tiền chất công nghiệp nhưng chưa có quy định quản lý chặt chẽ và phần lớn tổ chức, cá nhân sử dụng tiền chất chưa nhận thức được hóa chất mình đang sử dụng là tiền chất công nghiệp nên khả năng để thất thoát là không nhỏ.

Trả lời (Cục HC):

Việc quản lý sử dụng hóa chất nguy hiểm trong đó có tiền chất công nghiệp được căn cứ theo Điều 34 Luật Hóa chất như sau: *“Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất nguy hiểm để sản xuất sản phẩm, hàng hóa phải tuân thủ các quy định về cất giữ, bảo quản hóa chất nguy hiểm tại Điều 21 của Luật Hóa chất”*. Ngoài ra các tổ chức, cá nhân sử dụng tiền chất công nghiệp được thực hiện theo chế độ báo cáo theo Mẫu số 05a quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư số 32/2017/TT-BCT gửi Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tiến hành hoạt động hóa chất để tổng hợp, quản lý, đồng thời gửi Cục Hóa chất và trên thực hiện thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia tại <http://chemicaldata.gov.vn/cms.xc> theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư số 32/2017/TT-BCT.

1.3 Quy định về điều kiện “có rãnh thu gom và thoát nước tốt” trong sản xuất, kinh doanh hóa chất

Tại khoản 5 Điều 4 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất (sau đây gọi tắt là Nghị định 113/2017/NĐ-CP) quy định “Sàn nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải có rãnh thu gom và thoát nước tốt”. Đề nghị Bộ Công Thương xem xét các ý kiến để có hướng dẫn và quy định phù hợp thực tế như sau:

- Đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hóa chất có nhà xưởng, kho chứa hóa chất đã được xây dựng trước ngày Nghị định 113/2017/NĐ-CP có hiệu lực, không có rãnh thu gom và thoát nước, các doanh nghiệp này sử dụng giải pháp xây đê chống tràn hoặc dùng khay để lưu chứa hóa chất lỏng do gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng hệ thống rãnh thu gom và thoát nước vì việc cắt xẻ rãnh thu gom ảnh hưởng đến kết cấu xây dựng. Nghị định 113/2017/NĐ-CP không quy định chuyển tiếp cho nội dung này, như vậy, doanh nghiệp áp dụng giải pháp đê chống tràn, khay chống tràn, phao quây,... thay thế cho việc xây dựng hệ thống rãnh thu gom và thoát nước nêu trên có phù hợp quy định không.

- Việc quy định “Sàn nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải có rãnh thu gom và thoát nước tốt” có mục đích chung là thu gom và thoát nước (bao gồm thu gom và thoát hóa chất lỏng). Vì vậy, theo quy định trên thì nhà xưởng sản xuất, kinh doanh hóa chất dù có chứa hay không chứa hóa chất lỏng vẫn phải có rãnh thu gom và thoát nước. Tuy nhiên, hiện nay quy định về “rãnh thu gom và thoát nước” còn rất chung chung. Nên khi triển khai nội dung này, doanh nghiệp thực hiện nhiều cách khác nhau (rãnh bao xung quanh vách tường hay rãnh giữa kho, xưởng, hay chỉ bao quanh khu vực chứa hóa chất lỏng, có/không có hố thu gom, thể tích hố thu bao nhiêu để bảo đảm chứa được lượng nước, hóa chất phù hợp quy mô sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp...). Đồng thời, đối với các kho, xưởng có độ vống giữa kho thì việc xây rãnh thu gom hóa chất là không hiệu quả, chỉ mang tính chất đối phó.

Vì vậy, kiến nghị Bộ Công Thương điều chỉnh nội dung từ “Sàn nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải có rãnh thu gom và thoát nước tốt” thành “Sàn nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải có giải pháp thu gom, thoát nước phù hợp” để doanh nghiệp linh hoạt hơn trong áp dụng các giải pháp phù hợp.

Trả lời (Cục HC):

Về yêu cầu đối với nhà xưởng, kho chứa có rãnh thu gom và thoát nước tốt được quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP “Sàn nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải có rãnh thu gom và thoát nước tốt”. Đối với nội dung này, hiện nay Cục Hóa chất đã bổ sung vào dự thảo Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm. Dự kiến tháng 12 năm 2020 ban hành.

1.4 Về đối tượng huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất

Đề nghị bổ sung quy định miễn trừ huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất đối với các đối tượng có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất vì với trình độ nêu trên họ có đủ kiến thức về an toàn hóa chất, không cần thiết phải được huấn luyện an toàn hóa chất theo yêu cầu huấn luyện của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

Trả lời (Cục HC):

Về đối tượng phải được huấn luyện an toàn hóa chất được quy định tại Điều 32 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP như sau:

“1. Nhóm 1, bao gồm: a) Người đứng đầu đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh và phòng, ban, chi nhánh trực thuộc; phụ trách bộ phận sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật; quản đốc phân xưởng hoặc tương đương; b) Cấp phó của người đứng đầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được giao nhiệm vụ phụ trách công tác an toàn hóa chất. 2. Nhóm 2, bao gồm: a) Cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về an toàn hóa chất của cơ sở; b) Người trực tiếp giám sát về an toàn hóa chất tại nơi làm việc. 3. Nhóm 3, bao gồm người lao động liên quan trực tiếp đến hóa chất”.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

Về danh mục hóa chất nguy hiểm

Đề nghị xem xét điều chỉnh theo hướng bổ sung đầy đủ các loại hóa chất nguy hiểm vào quy định tại Điều 8 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP và Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp vì theo quy định hiện tại vẫn còn nhiều loại hóa chất nguy hiểm, đặc biệt là các hỗn hợp hóa chất được phân loại là hóa chất nguy hiểm nhưng chưa được quy định tại Điều 8 và Danh mục nêu trên (ví dụ như Sodium nitrite (NaNO_2), Acid nitric (HNO_3), Amoniac (NH_3), CHISORB® 327 (mã Cas: 3864-99-1), DALTOFOAM® MM 67759 (hỗn hợp gồm 1,1-dichloro-1-fluoroethane, tris(2-

chloro-1-methylethyl) phosphate, Diethylene glycol...), PDR-4000 Premium Pipe Dope Remover (hỗn hợp gồm Dipentene và d-Limonene)...)

3. Kiến nghị (SCT tỉnh Bình Dương)

Kiến nghị bổ sung một số loại hóa chất nguy hiểm vào danh mục hóa chất của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP như: Amoniac khan, acetylen vào Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Phụ lục 1).

Trả lời kiến nghị 2,3 (Cục HC):

+ *Điều kiện đối với hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.*

Theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP thì hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp bao gồm:

- Chất có trong Phụ lục I: Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

- Hỗn hợp chất chứa các chất có trong Phụ lục I và hỗn hợp hóa chất chứa các chất có trong Phụ lục II mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 14 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được phân loại theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP thuộc ít nhất một trong các nhóm phân loại sau đây: Nguy hại vật chất cấp 1, 2, 3 hoặc kiểu A, B, C và D; Độc cấp tính (theo các đường tiếp xúc khác nhau) cấp 2, 3; Tổn thương nghiêm trọng, kích ứng mắt cấp 1, 2/2A; Ăn mòn, kích ứng da cấp 1, cấp 2; Tác nhân gây ung thư, đột biến tế bào mầm, độc tính sinh sản cấp 2; Nguy hại môi trường cấp 1. Do đó việc sản xuất, kinh doanh các hóa chất thuộc các nội dung trên thì phải xin Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

+ *Điều kiện đối với hóa chất thuộc danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp*

Theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP thì hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp bao gồm:

Chất có trong Phụ lục II Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp.

- Hỗn hợp chất chứa các chất có trong Phụ lục II kèm theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được phân loại theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP thuộc ít nhất một trong các nhóm phân loại sau đây: a) Độc cấp tính (theo các đường tiếp xúc khác nhau) cấp 1; b) Tác nhân gây ung thư cấp

1A, 1B; c) Độc tính sinh sản cấp 1A, 1B; d) Đột biến tế bào mầm cấp 1A, 1B. Do đó việc sản xuất, kinh doanh các hóa chất thuộc các nội dung trên thì phải xin Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp.

4. Kiến nghị (SCT tỉnh Bình Dương)

Kiến nghị bổ sung một số loại hóa chất nguy hiểm vào danh mục hóa chất của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP như: Axit sulfuric vào Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (Phụ lục 4).

Trả lời (Cục HC):

Việc bổ sung các hóa chất nguy hiểm như Axit sulfuric vào Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (Phụ lục IV Nghị định số 113/2017/NĐ-CP) Bộ Công Thương sẽ nghiên cứu các tiêu chí về hóa chất gây hại hoặc có nguy cơ gây hại lớn, trên diện rộng cho người, môi trường ...đối chiếu với các quy định các nước trên thế giới như Châu Âu, Nhật Bản...để bổ sung vào danh mục trên. Ví dụ tại các nhà máy sản xuất Axit sulfuric các hóa chất các chất khí như: Lưu huỳnh dioxit (Sulfur dioxide: SO_2) với ngưỡng khối lượng hóa chất tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm 50.000 kg; Lưu huỳnh trioxit (Sulfur trioxide: SO_3) với ngưỡng khối lượng hóa chất tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm 15.000 kg thì phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất lý do nếu có sự cố hóa chất thì các chất khí này tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất, gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến con người và môi trường xung quanh.

5. Kiến nghị (SCT tỉnh Bình Phước)

Hiện nay, theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP về yêu cầu an toàn kho chứa hóa chất nhưng chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể, nên doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc xác định căn cứ áp dụng trong việc đầu tư xây dựng, kinh doanh kho chứa hóa chất. Sở Công Thương cũng lúng túng khi thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. Do đó, đề nghị Bộ Công Thương xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, an toàn kho chứa hóa chất.

6. Kiến nghị (SCT tỉnh Bà Rịa Vũng tàu)

Kiến nghị Bộ Công Thương sớm ban hành quy chuẩn kỹ thuật về khoảng cách an toàn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, cất giữ, sử dụng hóa chất nguy

hiểm quy định tại phụ lục IV Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ, để có cơ sở hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

7. Kiến nghị (SCT tỉnh Bình Dương)

Kiến nghị Bộ Công Thương sớm ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hóa chất vì sau khi Tiêu chuẩn TCVN 5507:2002 (soát xét lần 2) hết hiệu lực. Vì đến nay, vẫn chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nào để áp dụng, gây khó khăn trong quá trình thẩm định các điều kiện an toàn; kiểm tra, giám sát hoạt động hóa chất trên địa bàn tỉnh.

Trả lời kiến nghị 5,6,7 (Cục HC):

Liên quan đến kiến nghị của các Sở Công Thương về xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đảm bảo an toàn cho các cơ sở có các hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hoá chất nguy hiểm. Hiện nay Cục Hóa chất đang xây dựng Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm. Dự kiến tháng 12 năm 2020 ban hành.

8. Kiến nghị (SCT tỉnh Bình Thuận)

8.1. Căn cứ Quyết định số 04/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc ban hành kèm theo Quyết định số 26/2016/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó sửa đổi khoản 2, Điều 6: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất độc cấp tỉnh, trình Bộ Công Thương phê duyệt....”.

Căn cứ Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Phòng thủ dân sự và Quyết định số 1042/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Phòng thủ dân sự. UBND tỉnh Bình Thuận đã ban hành Kế hoạch số 1585/KH-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2020 Triển khai thực hiện Nghị định số 02/2019/NĐ-CP của Chính phủ về phòng thủ dân sự. Trong đó, giao cho Sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch ứng phó thảm họa tàn phá hóa chất độc môi trường.

Để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh Bình Thuận xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất độc cấp tỉnh, trình Bộ Công Thương phê duyệt và Kế hoạch ứng phó thảm họa tàn phá hóa chất độc môi trường; Sở Công Thương

Bình Thuận kính đề nghị Cục Hóa chất – Bộ Công Thương hướng dẫn nội dung đề cương xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất độc cấp tỉnh và Kế hoạch ứng phó thảm họa tàn phá hóa chất độc môi trường để Sở Công Thương Bình Thuận tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch theo đúng quy định.

Trả lời (Cục HC):

Về xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất độc “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất độc cấp tỉnh, trình Bộ Công Thương phê duyệt”

Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 04/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc ban hành kèm theo Quyết định số 26/2016/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất độc cấp tỉnh, trình Bộ Công Thương phê duyệt, trừ các Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất độc trên biển thực hiện theo khoản 6 Điều 56 của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015”. Do đó, trường hợp các tỉnh có hoạt động hóa chất thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất độc, khi đó UBND cấp tỉnh xây dựng Kế hoạch nêu trên và trình Bộ Công Thương phê duyệt theo quy định.

8.2. Theo Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, quy định về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất; trong đó có quy định một số hồ sơ liên quan đến kho chứa hóa chất (Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường; Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế và văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng kho chứa hóa chất; Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của từng địa điểm kinh doanh, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ,...).

Đề nghị Cục Hóa chất – Bộ Công Thương hướng dẫn về thành phần hồ sơ trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện

kinh doanh hóa chất, trong đó sử dụng kho chứa hóa chất của tổ chức, cá nhân bên bán hóa chất (có hợp đồng mua bán hóa chất giữa 02 bên, trong đó có thỏa thuận bên mua sử dụng kho chứa hóa chất của bên bán)./.

Trả lời (Cục HC):

Về Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP do đó trường hợp các tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất thì phải đề nghị các tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất cung cấp các thành phần Hồ sơ tại khoản 2 Điều 10 như: Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường; Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế và văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng kho chứa hóa chất; Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của từng địa điểm kinh doanh, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ,...để xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

9. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

Về quản lý tiền chất thuốc nổ không sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

Ngày 15/6/2018, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 13/2018/TT-BCT quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (gọi tắt là Thông tư 13/2018/TT-BCT). Theo đó, trong quy định các loại Giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ được quy định tại Điều 5 của Thông tư 13/2018/TT-BCT thì chỉ quy định Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp. Trong khi thực tế hiện nay, ngoài các tiền chất thuốc nổ có hàm lượng cao được sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thì còn có tiền chất thuốc nổ hàm lượng thấp (nhỏ hơn ngưỡng hàm lượng được quy định tại Phụ lục III của Thông tư 13/2018/TT-BCT) được sử dụng để phục vụ cho các hoạt động sản xuất sản phẩm khác (ví dụ như sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm....)

Vì vậy, để đảm bảo an toàn trong sử dụng tiền chất thuốc nổ, đề nghị Bộ Công Thương bổ sung quy định quản lý đối với hoạt động kinh doanh, sử dụng các tiền chất thuốc nổ có hàm lượng thấp để sản xuất hàng hóa khác.

Trả lời (Cục HC):

Quan điểm quản lý tiền chất thuốc nổ đối với các hỗn hợp chất có hàm lượng tiền chất thuốc nổ nhỏ hơn ngưỡng hàm lượng có khả năng sản xuất được thuốc nổ quy định tại Phụ lục III Thông tư số 13/2018/TT-BCT về nội dung này Cục Hóa chất (Bộ Công Thương) sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, nghiên cứu, đề xuất ngưỡng hàm lượng tiền chất thuốc nổ để ban hành danh mục tiền chất thuốc nổ theo chức năng quản lý nhà nước về tiền chất thuốc nổ của Bộ Công Thương trong thời gian tới.

10. Kiến nghị (SCT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

Về hồ sơ cấp GCN đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp:

a) Về hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất

Điều 10 Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định thành phần hồ sơ gồm có “Bản sao hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định này”. Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét, thay bằng “Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân kèm danh sách người được huấn luyện”.

Lý do: để giảm bớt các thành phần hồ sơ không cần thiết cho doanh nghiệp. Vì khi thẩm định thực tế tại cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất, Sở Công Thương sẽ kiểm tra hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất của đơn vị theo quy định tại Khoản 5 Điều 34 Nghị định 113/2017/NĐ-CP “Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này trong thời gian 03 năm và xuất trình khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu”; Khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định điều kiện cấp GCN đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp là “Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định này phải được huấn luyện an toàn hóa chất”. Do đó khi nộp hồ sơ, doanh nghiệp không cần nộp toàn bộ hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo khoản 4 Điều 34 Nghị định 113/2017/NĐ-CP.

Trả lời (Cục HC):

Về Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hay kinh doanh hóa chất có điều kiện được quy định tại điểm h khoản 1 và điểm i khoản 2 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP do đó việc sửa đổi, bổ sung quy định “Bản sao hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

b) Kiến nghị bổ sung thành phần hồ sơ đề nghị cấp GCN đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất:

“Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của dự án”.

Lý do: Điều 20 và Điều 21 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định Chủ đầu tư dự án sản xuất, kinh doanh, cất giữ và sử dụng hóa chất phải xây dựng Kế hoạch/Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trước khi dự án chính thức đưa vào hoạt động. Đây là một trong những điều kiện cơ bản để dự án đi vào hoạt động. Do đó, đề nghị đưa vào thành phần hồ sơ để Sở Công Thương có cơ sở thẩm định và theo dõi, quản lý hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn.

Trả lời (Cục HC):

Với đề xuất bổ sung thành phần hồ sơ đề nghị cấp GCN đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất “Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của dự án”. Về nội dung này, Bộ Công Thương sẽ đề xuất với Chính phủ bổ sung vào Nghị định số 113/2017/NĐ-CP trong thời gian tới.

11. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

Đề nghị Bộ Công Thương sớm sửa đổi, bổ sung Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định Danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (để phù hợp với các quy định mới tại Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa).

12. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Nai)

Kiến nghị Bộ Công Thương sớm ban hành văn bản Quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa để các doanh nghiệp có cơ sở triển khai thực hiện.

Trả lời kiến nghị 11,12 (Cục ATMT):

Để thực hiện chức năng được giao tại khoản 4, khoản 5 Điều 24 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP, Bộ Công Thương giao Cục ATMT chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2012/TT-BCT và dự kiến ban hành vào cuối năm 2020.

13. Kiến nghị (SCT thành phố Cần Thơ)

13.1. Căn cứ quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, chỉ quy định cấp: Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG/LNG/CNG; Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG; Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini; Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai; Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn; Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải.

Tuy nhiên đối với kho chứa LPG chai riêng lẻ (không phải kho chứa LPG chai tại cửa hàng bán lẻ LPG chai) chỉ quy định về điều kiện an toàn, điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, chưa có quy định kho chứa LPG chai phải được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện, mặc dù kho chứa LPG chai có nhiều nguy cơ tiềm ẩn xảy ra cháy nổ trong khu dân cư.

Vì vậy, kiến nghị Bộ Công Thương có ý kiến trình Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 về kinh doanh khí, bổ sung nội dung cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cho kho chứa LPG chai đối với quy mô kho chứa lớn nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác về phòng cháy, chữa cháy.

Trả lời (Vu TTTN):

Tại điều 3 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP quy định: *Kho chứa LPG chai là nơi cất giữ LPG chai với tổng lượng LPG chai tồn chứa từ 70 kg trở lên.*

Tại khoản 2, điều 18 quy định: Điều kiện kinh doanh dịch vụ cho thuê kho chứa LPG chai: *Thương nhân có kho chứa LPG chai đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.*

Tại điều 57 quy định an toàn đối với kho chứa LPG chai:

- “ 1. Các kho chứa LPG chai phải có thiết bị kiểm tra, cảnh báo rò rỉ LPG.*
- 2. LPG chai ở trong kho phải được đặt tại vị trí đảm bảo thông thoáng, không được bảo quản ở những nơi thấp hơn mặt bằng xung quanh, trong hầm chứa, trong tầng ngầm.*
- 3. Kho chứa LPG chai ngoài trời từ 1.000 kg trở lên phải chia thành từng lô nhỏ. Kho chứa chai LPG phải cách kho chứa LPG chai ít nhất 03 m.*
- 4. Kho chứa LPG chai trong nhà phải đáp ứng yêu cầu về khối lượng tồn chứa, nơi tồn chứa theo quy định.”*

Như vậy, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đã quy định rõ kho chứa LPG chai phải đáp ứng yêu cầu về an toàn, phòng cháy chữa cháy. Tuy nhiên, Bộ Công Thương sẽ nghiên cứu, đề xuất và lấy ý kiến rộng rãi về việc tăng cường công tác quản lý kho chứa LPG chai (trong đó có biện pháp cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) trong quá trình rà soát, sửa đổi hoặc thay thế Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

13.2. Theo quy định tại khoản 2, Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ quy định điều kiện đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu phải “Thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu).

Do Quy định này không phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh và chưa rõ ràng và Bộ Công Thương đã lấy ý kiến dự thảo bổ sung quy định được thuê cửa hàng xăng dầu và hướng dẫn trường hợp về đồng sở hữu, đến nay chưa có văn bản chính thức. Đề nghị Bộ Công Thương sớm trình Chính phủ ban hành để thực hiện.

Trả lời (Vu TTTN):

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm

2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, theo đó, quy định khái niệm về sở hữu cửa hàng xăng dầu; nội dung cho phép thương nhân được thuê cửa hàng xăng dầu cũng đã được tiếp thu, bổ sung tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Dự kiến Nghị định sửa đổi sẽ được ban hành trong Quý III/2020.

IV. Lĩnh vực khuyến công

1. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Tháp)

Xem xét ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trong lĩnh vực khuyến công để các địa phương làm căn cứ xác định giá dịch vụ sự nghiệp công, nhằm thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công ngành Công Thương.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Nai)

Kiến nghị Bộ Công Thương sớm ban hành định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ khuyến công quốc gia để làm cơ sở tham mưu UBND tỉnh Đồng Nai ban hành định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ khuyến công của địa phương.

3. Kiến nghị (SCT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

Đề nghị Bộ Công Thương sớm ban hành định mức kinh tế kỹ thuật và bộ đơn giá dịch vụ công cho ngành Công Thương, để làm cơ sở cho các địa phương áp dụng thực hiện.

4. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Nai)

Kiến nghị Bộ Công Thương sớm ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, cơ chế giám sát đánh giá kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương.

Trả lời 1,2,3,4 (Cục CTDP):

Căn cứ vào Quyết định số 573/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, ngày 15 tháng 11 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 47/2018/TT-BCT quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Bộ Công Thương giao cho Cục Công Thương địa phương chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động khuyến công quốc gia. Cục đã xây dựng dự thảo và dự kiến năm 2020 sẽ tổ chức Hội thảo lấy ý kiến của các địa phương, đơn vị liên quan, các chuyên gia, đồng thời Cục CTĐP tổng hợp, hoàn thiện dự thảo sớm trình Bộ Công Thương ký ban hành Quyết định trên.

5. Kiến nghị (SCT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

Đề nghị Bộ Công Thương kiến nghị Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 về khuyến công, như: Mở rộng đối tượng thụ hưởng của Nghị định là tất cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, không hạn chế địa bàn đầu tư sản xuất; Quy định cơ chế bố trí nguồn kinh phí khuyến công hỗ trợ trong năm tài chính và được thẩm định, xét duyệt nhiều đợt trong năm, cho phù hợp với đặc điểm đầu tư của các cơ sở CNNT, nhằm kịp thời hỗ trợ cho các cơ sở CNNT phát triển sản xuất.

Trả lời (Cục CTĐP):

Bộ Công Thương ghi nhận ý kiến của Sở Công Thương, trong quá trình triển khai Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ, Bộ Công Thương (Cục CTĐP) sẽ tổng hợp, nghiên cứu đề xuất cơ quan có thẩm quyền đối với nội dung trên.

6. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Nai)

Kiến nghị Bộ Công Thương đưa ra khỏi Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016 ban hành kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương đối với nội dung tại mục XIII, phần A “Lĩnh vực công nghiệp địa phương: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh”.

7. Kiến nghị (SCT tỉnh Trà Vinh)

Tại Điều 18 Thông tư số 26/2014/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu có nêu: (1) Hội đồng bình chọn tổ chức trao Giấy chứng nhận cho các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận; (2) Lễ trao Giấy chứng nhận phải được tổ chức nghiêm túc, trang trọng, phù hợp với điều kiện

của từng địa phương. Việc lựa chọn thời gian trao Giấy chứng nhận do Hội đồng bình chọn trình cấp có thẩm quyền quyết định. Theo cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC được Bộ Công Thương công bố và đăng công khai tại Cổng DVC Quốc gia, đối với nhóm TTHC thuộc lĩnh vực Công nghiệp địa phương, liên quan về Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cho Cấp Quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh và cấp huyện, thì quy định thời gian giải quyết TTHC là 30 ngày, qua đó khi triển khai thực hiện gặp một số khó khăn như: Thời gian thực hiện 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và có trách nhiệm xem xét, chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để cấp Giấy chứng nhận, thì sẽ không đảm bảo được quá trình tổ chức, xét duyệt; Đây là TTHC thì phải tiếp nhận và trả kết quả cho cơ sở công nghiệp nông thôn tại bộ phận một cửa, trong khi đó đăng ký bình chọn và trả kết quả thì thông tư quy định phải nộp và trao giấy chứng nhận do Hội đồng bình chọn các cấp tổ chức. Do đó, Sở Công Thương Trà Vinh kiến nghị Bộ Công Thương xem xét bãi bỏ thủ tục Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Trả lời kiến nghị 6,7 (Cục CTĐP):

Thực hiện Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung, theo đó Cục CTĐP được giao đầu mối theo dõi TTHC liên quan đến công tác bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn (CNNT) tiêu biểu theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương).

Tuy nhiên, qua quá trình theo dõi, đánh giá thực hiện công tác bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp, Cục CTĐP nhận thấy việc bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu chưa đáp ứng đầy đủ các bộ phận cấu thành cơ bản của TTHC theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, điều chỉnh một số điều tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ) Vì vậy, Cục CTĐP đã có các văn bản gửi các đơn vị có chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương để đề xuất đưa ra khỏi danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đối với việc cấp giấy chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu và hướng dẫn cụ thể về trình tự thực hiện

việc bãi bỏ danh mục TTHC theo quy định hiện hành. Các quy trình thực hiện việc cấp giấy chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp vẫn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương.

V. Lĩnh vực quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

1. Kiến nghị (SCT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

Đề nghị Bộ Công Thương kiến nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Khoa học công nghệ kiểm tra, đôn đốc Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện quyết định chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa cho các cơ sở CNNT đảm bảo đúng thời hạn quy định giải quyết thủ tục hành chính không quá 12 tháng kể từ khi có quyết định chấp thuận đơn hợp lệ theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ (hiện nay các đơn hợp lệ còn tồn đọng nhiều và đã kéo dài đến 24 tháng nhưng vẫn chưa được Cục Sở hữu trí tuệ xử lý).

Trả lời (Vu KHCN):

Theo quy định của Luật SHTT và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ KHCN là cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về SHTT và Cục SHTT là đơn vị giúp Bộ KHCN thực hiện chức năng này, đồng thời thực hiện việc cấp chứng nhận nhãn hiệu hàng hoá theo các quy định về nội dung, trình tự, thủ tục quy định. Để có cơ sở trao đổi với Bộ KHCN, đề nghị Sở CT Bà Rịa Vũng Tàu cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về các đơn hợp lệ còn tồn đọng và đã kéo dài chưa được Cục SHTT xử lý như phản ánh tại câu hỏi kiến nghị.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

Tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương đã quy định “Đối tượng của công bố hợp quy là sản phẩm, hàng hóa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Công Thương ban hành”. Vì vậy, nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý, đề nghị Bộ Công Thương sớm ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với từng sản phẩm, hàng hóa (hoặc nhóm sản phẩm, hàng hóa) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Trả lời (Vu KHCN):

Hiện nay, Bộ Công Thương đã ban hành 47 QCVN để phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với một số sản phẩm hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý

của Bộ. Đồng thời, theo Lộ trình xây dựng ban hành TCVN, QCVN đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt, đến năm 2025, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục xây dựng và ban hành 35 QCVN cho các sản phẩm hàng hoá khác phù hợp với từng giai đoạn.

PHẦN C - LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

I. Về hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại)

1. Kiến nghị (SCT tỉnh An Giang)

Kiến nghị Trung ương hỗ trợ nguồn vốn đầu tư hạ tầng thương mại theo Nghị định 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ. Đặc biệt là giới thiệu nhà đầu tư có uy tín đến đầu tư 02 chợ đầu mối rau quả tại phường Vĩnh Mỹ, Tp. Châu Đốc và cửa khẩu Khánh Bình, huyện An Phú. Hỗ trợ tỉnh An Giang đầu tư xây dựng một số chợ biên giới đang có nhu cầu cấp thiết.

Trả lời (Vu TTTN):

** Về việc hỗ trợ vốn đầu tư hạ tầng thương mại:*

- Giai đoạn 2016-2020, việc hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng thương mại thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách, Nghị định số 02/2013/NĐ-CP, Nghị định số 114/2009/NĐ-CP, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14 tháng 9 năm 2014 ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 và các văn bản hướng dẫn có liên quan khác.

Quyết định 40/2015/QĐ-TTg là Quyết định trực tiếp quy định về ngành lĩnh vực, các chương trình được phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước. Giai đoạn 2016-2020, theo Quyết định này ngành thương mại có các dự án sau được sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước: Các dự án chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistics, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Tại Mục I của nguyên tắc, định mức, tiêu chí phân bổ).

- Tuy nhiên, tại Mục VI nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các chương trình mục tiêu: thì không có nội dung đầu tư phát triển hạ tầng thương mại. Do vậy, không sử dụng được **ngân sách trung ương** cho việc đầu tư các dự án hạ tầng thương mại theo Mục I, mà chỉ có thể sử dụng **vốn đầu**

tư phát triển từ nguồn cân đối ngân sách địa phương để đầu tư cho các Dự án hạ tầng nêu trên.

Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động cân đối ngân sách địa phương để hỗ trợ phát triển hạ tầng thương mại theo đúng các quy định về đầu tư công.

** Về việc giới thiệu nhà đầu tư:*

Bộ Công Thương đã và đang đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế về phát triển chợ đầu mối, xúc tiến các chương trình khuyến khích xã hội hóa, thu hút đầu tư trong và ngoài nước về xây dựng và phát triển chợ đầu mối: Năm 2018 Bộ đã tổ chức Hội nghị Phát triển chợ đầu mối tại Việt Nam. Trong quá trình triển khai các hoạt động này, đề nghị địa phương tích cực tham gia để có cơ hội tiếp xúc và tìm kiếm nhà đầu tư.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Sóc Trăng)

Đề nghị Bộ Công Thương sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ; chỉnh sửa, bổ sung Quyết định 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ Thương mại để phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương.

3. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

Đề nghị Bộ Công Thương sớm triển khai trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/1/2003 về phát triển và quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ để tạo thuận lợi cho phát triển chợ trong giai đoạn hiện nay.

4. Kiến nghị (SCT tỉnh Bình Phước)

Nghị định 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ. Đến nay, một số nội dung về thực hiện chủ trương xã hội hoá trong đầu tư xây dựng chợ, chuyển đổi mô hình quản lý chợ, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, xây dựng chợ ATTP... cần được bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế cho phù hợp thực tế và các căn cứ của Nghị định đã hết hiệu lực thi hành. Bên cạnh lĩnh vực chợ, các lĩnh vực khác như siêu thị, trung tâm thương mại cũng cần cơ sở pháp lý, cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư

và xử lý vi phạm để thay thế Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về việc ban hành quy chế siêu thị, trung tâm thương mại.

Kiến nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định thay thế Nghị định 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ; Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

5. Kiến nghị (SCT tỉnh Cà Mau)

Trong những năm qua, thực hiện phân hạng Siêu thị, Trung tâm thương mại theo Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quy chế Siêu thị, Trung tâm thương mại. Hiện nay văn bản này không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Do đó, Sở Công Thương đề xuất Bộ Công Thương xem xét, nghiên cứu bãi bỏ Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 và đồng thời ban hành Quyết định mới hướng dẫn thực hiện việc phân hạng Siêu thị, Trung tâm thương mại phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Vì hiện nay có một số thương nhân kinh doanh Siêu thị, Trung tâm thương mại nhưng không đánh giá phân hạng nên gặp khó khăn về quản lý nhà nước.

6. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Tháp)

Đề nghị Bộ Công Thương sớm có quy định hướng dẫn thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác và kinh doanh chợ vì có sự bất cập giữa Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các Nghị định có liên quan với Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP về phát triển và quản lý chợ.

7. Kiến nghị (SCT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

Kiến nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định thay thế Nghị định 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 và Nghị định 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 sửa đổi, bổ sung Nghị định 02/2003/NĐ-CP về quản lý chợ, do một số nội dung bất cập như sau:

+ Hầu hết các chợ nằm trên địa bàn đô thị xuống cấp trầm trọng, nhưng không được đầu tư mới từ ngân sách Nhà nước, phải thực hiện việc xã hội hóa đầu tư. Tuy nhiên, có một số chợ không thu hút được nhà đầu tư tham gia xã hội hóa dẫn đến tình trạng chợ ngày càng xuống cấp, không đảm bảo an toàn cho các hộ tiểu thương kinh doanh tại chợ. Trong khi đó chợ là nơi đảm bảo công việc buôn bán cho các tiểu thương, đảm bảo mưu sinh cho những người yếu thế

trong XH. Do đó trong khi chờ sửa đổi cần có văn bản kiến nghị bổ sung khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP: "... Tùy theo tình hình thực tế khả năng cân đối ngân sách tại địa phương, hỗ trợ sửa chữa đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn ”.

+ Một số căn cứ pháp lý được trích dẫn tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP hiện nay đã hết hiệu lực như: Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006, Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 của Chính phủ.

+ Hiện nay, cơ sở hạ tầng của một số chợ đầu tư xã hội hoá do doanh nghiệp quản lý đã bị xuống cấp, không đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy. Tuy nhiên, tại Điều 9 Nghị định 02/2003/NĐ-CP quy định trách nhiệm của doanh nghiệp không có nội dung về việc sửa chữa, nâng cấp, cải tạo để đảm bảo hoạt động của chợ nên các doanh nghiệp thường bỏ bê, không đầu tư sửa chữa. Kiến nghị bổ sung quy định trách nhiệm của doanh nghiệp đầu tư chợ trong việc sửa chữa, nâng cấp, cải tạo để đảm bảo hoạt động của chợ.

8. Kiến nghị (SCT tỉnh Tiền Giang)

Việc quản lý hạ tầng thương mại, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên thực tế luôn chịu tác động bởi nhiều yếu tố mới, bối cảnh mới, do đó, đòi hỏi các quy định về quản lý và phát triển hạ tầng thương mại phải được chỉnh sửa, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với tình hình. Vì vậy, kiến nghị Bộ Công Thương xem xét, nghiên cứu trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ và thay thế Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ Thương mại về việc ban hành quy chế siêu thị, trung tâm thương mại.

Trả lời kiến nghị 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 (Vu TTTN):

Đối với kiến nghị ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP:

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 12070/VPCP-KTTH ngày 11 tháng 11 năm 2017, Công văn số 9417/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 9 năm 2018, Thông báo số 120/TB-VPCP ngày 11 tháng 7

năm 2019 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Công Thương đã rà soát, có văn bản gửi các địa phương đề nghị đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định 114/2009/NĐ-CP.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, Bộ Công Thương đã có văn bản số 8009/BCT-TTTN báo cáo Thủ tướng Chính phủ, gửi các Bộ, ngành có liên quan về việc cho ý kiến góp ý đối với các nội dung rà soát, đánh giá và đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung Nghị định về phát triển và quản lý chợ.

Tuy nhiên, việc phát triển chợ chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản như Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Phí và Lệ phí, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật An toàn thực phẩm, Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Kinh doanh bất động sản và các văn bản hướng dẫn thi hành... Để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, khắc phục được những hạn chế, bất cập, ngoài việc sửa đổi, bổ sung Nghị định về phát triển và quản lý chợ, cần đồng thời xem xét sửa đổi, bổ sung một số văn bản pháp luật khác có liên quan.

Do đó, ngày 26 tháng 02 năm 2020, Bộ Công Thương đã có văn bản số 1268/BCT-TTTN báo cáo Thủ tướng Chính phủ về phương án sửa đổi, bổ sung Nghị định về phát triển và quản lý chợ. Ngày 01/6/2020, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng đã chủ trì cuộc họp về phương án sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP, tại Công văn số 198/TB-VPCP ngày 06/6/2020 của Văn Phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp nêu trên, theo đó, giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan rà soát lại các vướng mắc, bất cập tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP; trên cơ sở đó, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các Nghị định này bảo đảm tính khả thi.

Triển khai chỉ đạo nêu trên của Phó Thủ tướng, trước mắt Bộ Công Thương đang khẩn trương tiến hành rà soát để dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó phối hợp với các Bộ, ngành liên quan (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng nhà nước...) tập trung rà soát, xử lý một số vướng mắc, bất cập hiện tại của Nghị định này. Trong quá trình sửa đổi, bổ sung sẽ xem xét, nghiên cứu kiến nghị của các địa phương và lấy ý kiến của các địa phương đối với Dự thảo Nghị định sửa đổi.

Đối với kiến nghị chỉnh sửa, bổ sung Quyết định 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ Thương mại để phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương.

Hiện nay, Bộ Công Thương đang đề xuất phương án rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Thương mại năm 2005, đồng thời đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến hạ tầng thương mại. Sau khi Luật thương mại được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực, trên cơ sở đó Bộ Công Thương sẽ nghiên cứu, xem xét sửa đổi Quyết định 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) quy định quy chế siêu thị, trung tâm thương mại cũng như hoàn thiện các nội dung liên quan đến các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại khác cho phù hợp với bối cảnh mới nhằm tạo môi trường thuận lợi và đồng bộ trong phát triển.

9. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

Hiện nay, các quy định chính sách ưu đãi về đầu tư chợ gặp khó khăn trong việc thuê đất đầu tư chợ, doanh nghiệp đầu tư phải thực hiện đấu thầu dự án đầu tư và thực hiện đấu giá quyền thuê đất, do đó nhà đầu tư chưa thể triển khai thực hiện các dự án xã hội hóa đầu tư chợ, nhất là các chợ ở khu vực nông thôn. Ngoài ra, Theo quy định tại Mục 2.10.6, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam số 01:2008/BXD quy định về mật độ xây dựng thuần (net-tô) tối đa cho phép đối với chợ trong các khu vực quy hoạch cải tạo là 60%.

Ngoài ra, mục 6.4.4, Chợ - Tiêu chuẩn Việt Nam số 9211:2012 có quy định tỷ lệ diện tích đất xây dựng các hạng mục trong chợ được quy định đối với chợ được xây dựng trong khu trung tâm thành phố (thị xã) cho phép tăng mật độ xây dựng nhà chợ chính và các hạng mục công trình có mái khác đến 70% nhưng vẫn phải bảo đảm các tiêu chuẩn về an toàn và phòng cháy chữa cháy. Tuy nhiên, ngành xây dựng (Sở Xây dựng) chỉ thẩm định với mật độ xây dựng 40% diện tích đất để bố trí đủ mặt bằng kinh doanh gây khó khăn cho nhà đầu tư xây dựng chợ mới trên nền chợ cũ.

Do đó kiến nghị: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư nâng cấp cải tạo các chợ hiện trạng trên nền chợ cũ được thiết kế cho phép tăng mật độ xây dựng nhà chợ chính và các hạng mục công trình có mái khác đến 70% nhưng vẫn phải bảo đảm các tiêu chuẩn về an toàn và phòng cháy chữa cháy.

Trả lời (Vu TTTN):

Việc hướng dẫn thực hiện Quy chuẩn xây dựng Việt Nam số 01:2008/BXD quy định về mật độ xây dựng thuần và Tiêu chuẩn Việt Nam số 9211:2012 thuộc thẩm quyền của đơn vị xây dựng văn bản là Bộ Xây dựng.

II. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và kinh doanh khí, kinh doanh rượu

1. Kiến nghị (SCT tỉnh Sóc Trăng)

Trong quá trình thực hiện Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, Sở Công Thương nhận thấy còn một số khó khăn, vướng mắc sau:

+ Tại Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP về điều kiện đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu phải “thuộc sở hữu, đồng sở hữu”: Có một số doanh nghiệp không muốn hợp tác kinh doanh, họ cho thuê lại cửa hàng và người thuê phải chịu mọi trách nhiệm trong quá trình kinh doanh nhưng Khoản 2 lại quy định phải “thuộc sở hữu, đồng sở hữu” không có hình thức cho thuê.

+ Tại Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP về thành phần hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu không yêu cầu Văn bản xác nhận cấp hàng hoặc Hợp đồng cung cấp hàng nhưng hồ sơ kèm theo Đơn đề nghị (Mẫu số 3) lại yêu cầu Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng của thương nhân cấp hàng. Đối với cửa hàng xăng dầu cấp mới thì thương nhân chỉ ký hợp đồng cấp hàng hoặc xác nhận cấp hàng khi cửa hàng có Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

+ Chưa có quy định cụ thể về diện tích xây dựng kho và cửa hàng bán lẻ xăng dầu nên không có căn cứ từ chối đối với những vị trí xin xây dựng cửa hàng xăng dầu có diện tích nhỏ.

Do vậy, Sở Công Thương đề xuất Bộ Công Thương sớm ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cửa hàng xăng dầu; sớm tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung (hoặc thay mới) Nghị định số 83/2014/NĐ-CP để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Cà Mau)

- Ngày 15/01/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2018/NĐ-CP bãi bỏ một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có hiệu lực từ ngày 15/01/2018, theo đó đã bãi bỏ một số điều, khoản liên quan về quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu được quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính

phủ về kinh doanh xăng dầu; đồng nghĩa với việc không còn Quy hoạch mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

Từ khó khăn trên, Sở Công Thương tỉnh Cà Mau kiến nghị Bộ Công Thương sớm xây dựng và công bố Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cửa hàng xăng dầu thống nhất trên cả nước theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP. Đồng thời, có hướng dẫn xử lý, tháo gỡ khó khăn đối với các cửa hàng xăng dầu không đảm bảo an toàn như nêu trên.

- Hiện nay, theo phản ánh của một số đại lý bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh thì một số đơn vị đầu mối, doanh nghiệp phân phối xăng dầu cung cấp xăng dầu không đủ và không cho đại lý bán lẻ xăng dầu hưởng hoa hồng hoặc cho hưởng rất thấp (khoảng 50 đ/lít), từ đó các đại lý bán lẻ không đảm bảo xăng dầu bán cho người dân và thua lỗ do không có kinh phí trả lương thuê nhân viên, trong khi kinh phí đầu tư vào các cửa hàng xăng dầu là rất lớn.

Từ những vướng mắc, báo cáo nêu trên, kiến nghị Bộ Công Thương sửa đổi Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu theo hướng quy định trách nhiệm của các đơn vị đầu mối, các doanh nghiệp phân phối xăng dầu phải thực hiện cung cấp đầy đủ số lượng xăng dầu cho các đại lý bán lẻ và có quy định rõ mức hưởng hoa hồng tối thiểu.

Trả lời kiến nghị 1,2 (Vu TTTN):

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, theo đó, quy định khái niệm về sở hữu cửa hàng xăng dầu; nội dung cho phép thương nhân được thuê cửa hàng xăng dầu cũng đã được tiếp thu, bổ sung tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Dự kiến Nghị định sửa đổi sẽ được ban hành trong Quý III/2020.

Đối với việc ban hành Quy chuẩn cửa hàng xăng dầu, ngày 30 tháng 6 năm 2020, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 15/2020/TT-BCT ban hành QCVN 01: 2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu. QCVN 01: 2020/BCT thay thế QCVN 01:2013/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu và QCVN 10: 2015/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu trên mặt nước, theo đó, QCVN 01: 2020/BCT quy định yêu cầu kỹ thuật cơ bản trong thiết kế xây dựng mới, đóng mới, cải tạo mở rộng, hoàn cải các cửa hàng xăng

dầu trên mặt đất và trên mặt nước thuộc chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tiêu chí phân cấp cửa hàng xăng dầu và khoảng cách tối thiểu giữa các hạng mục xây dựng trong cửa hàng xăng dầu đến công trình bên ngoài cửa hàng đã được quy định chi tiết tại QCVN 01: 2020/BCT

3. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

Việc cấp Giấy chứng nhận cho thương nhân có nhiều hoạt động kinh doanh khí

Theo quy định tại Điều 36 của Nghị định số 87/2018/NĐ-CP thì có 08 loại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp cho thương nhân tùy thuộc và loại hình hoạt động. Trường hợp thương nhân kinh doanh khí có khu liên hợp gồm nhà xưởng sản xuất, chế biến, cảng xuất nhập, kho chứa, trạm nạp LPG (vào chai, vào xe bồn, vào phương tiện vận tải), trạm cấp... liên kề nhau tại cùng một địa điểm thì phải làm hồ sơ đề nghị cấp từng loại Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Điều 36 của Nghị định số 87/2018/NĐ-CP hay có thể được cấp một Giấy chứng nhận đủ điều kiện chung. Nếu có thể cấp một Giấy chứng nhận chung thì tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện là gì, hồ sơ, thủ tục ra sao?

Trả lời (Vu TTTN):

Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 2 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định về việc cấp 08 loại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí.

Việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí phải tuân thủ quy định tại Chương III Hồ sơ, trình tự, thẩm quyền của Nghị định số 87/2018/NĐ-CP. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí phải cấp theo đúng nội dung quy định và phụ lục tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

4. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

Việc xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất/Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất (PNUPSCHC) của tổ chức, cá nhân tồn trữ các khí hóa lỏng

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 20 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất thì tổ chức, cá nhân tồn trữ các khí hóa lỏng đặc biệt dễ cháy (bao gồm cả LPG) và khí thiên nhiên (có số thứ tự 136 trong Phụ lục IV

kèm theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP) có khối lượng tồn trữ tại một thời điểm lớn hơn hoặc bằng 50.000kg thì phải xây dựng Kế hoạch PNUPSC hóa chất. Trường hợp ngược lại thì phải xây dựng Biện pháp PNUPSC hóa chất theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

Mặc khác, theo quy định tại Khoản 1, Điều 47 của Nghị định số 87/2018/NĐ-CP thì “Thương nhân sản xuất, chế biến; thương nhân xuất, nhập khẩu; thương nhân kinh doanh mua bán khí; thương nhân sản xuất, sửa chữa chai LPG, chai LPG mini; trạm nạp, trạm cấp, trạm nén khí; thương nhân kinh doanh dịch vụ cho thuê bồn, kho chứa LPG chai, kinh doanh dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải phải xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp trình cơ quan có thẩm quyền chấp thuận”.

Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét, sớm sửa đổi quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP theo hướng loại bỏ quy định tổ chức, cá nhân tồn trữ các khí hóa lỏng đặc biệt dễ cháy (bao gồm cả LPG) và khí thiên nhiên phải xây dựng Kế hoạch hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất vì nội dung của Kế hoạch/Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất tương đồng, gần giống với nội dung của bộ tài liệu an toàn trong hoạt động kinh doanh khí (quy định tại Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí).

Trả lời (Cục HC):

Hiện nay, việc thực hiện xây dựng Kế hoạch/Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất dựa trên quy định tại Nghị định 113/2017/NĐ-CP và Thông tư số 32/2017/TT-BCT. Hỗn hợp LPG chủ yếu được cấu thành từ hai thành phần hóa chất Butan và Propan, là hỗn hợp hóa chất nguy hiểm và dễ cháy vì vậy việc xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đối với LPG là cần thiết cho công tác an toàn của các đơn vị hoạt động liên quan. Tuy nhiên, kiến nghị của Sở Công Thương tỉnh Long An, Cục Hóa chất sẽ ghi nhận và nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý phù hợp trong thời gian tới để tránh chồng chéo trong công tác quản lý hành chính nhà nước đối với mặt hàng hóa chất LPG.

5. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Nai)

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công

Thương, trong đó: (1) Bãi bỏ: cấp/ sửa đổi, bổ sung/ cấp lại giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ; (2) Bổ sung: đăng ký/ sửa đổi, bổ sung bán rượu tiêu dùng tại chỗ; đăng ký/ sửa đổi, bổ sung kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ; đăng ký/ sửa đổi, bổ sung nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ.

Để thực hiện đồng bộ, thống nhất và đơn giản cải cách TTHC, đề nghị Bộ Công Thương sớm ban hành văn bản hướng dẫn về trình tự, thủ tục và thời gian thực hiện đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ, đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ, đăng ký nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ để địa phương, thương nhân biết, thực hiện.

Trả lời (Vu TTTN):

Theo quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020, “Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu”, Khoản 1, 2 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“Điều 4. Nguyên tắc quản lý rượu

1. Kinh doanh rượu thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh rượu phải tuân thủ các quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và các quy định tại Nghị định này.

2. Thương nhân sản xuất rượu công nghiệp, sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, phân phối rượu, bán buôn rượu, bán lẻ rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên phải có giấy phép; thương nhân bán rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên tiêu dùng tại chỗ, thương nhân kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ phải đăng ký với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện; hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công có độ cồn từ 5,5 độ trở lên bán cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt cơ sở sản xuất”.

Như vậy, Chính phủ thống nhất quản lý hoạt động kinh doanh rượu thông qua việc cấp giấy phép đối với rượu có độ cồn từ 5,5 độ cồn trở lên, và tiếp nhận bản đăng ký đối với rượu dưới 5,5 độ cồn. Do đó, các tổ chức cá nhân hoạt động kinh doanh rượu phải được cấp giấy phép, đối với hoạt động kinh doanh rượu có độ cồn từ 5,5 độ cồn trở lên, hoặc đã gửi bản đăng ký, đối với hoạt động kinh doanh rượu dưới 5,5 độ cồn, mới được kinh doanh rượu.

Tại Điều 31a, b,c của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP có hướng dẫn việc Đăng ký với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân

dân cấp huyện nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất theo Mẫu số 14 Mục II tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp có thay đổi nội dung đã đăng ký phải thực hiện đăng ký bổ sung.

6. Kiến nghị (SCT Tiền Giang)

Đối với Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, đề nghị xem xét, trình Chính phủ bỏ bước thẩm định quy định tại Điểm c, Khoản 5 Điều 20 NĐ số 83/2014/NĐ-CP; vì để đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu thương nhân phải có từ 02 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trở lên và khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng đã thẩm định thực tế tại cơ sở theo Điểm c, Khoản 3, Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

Trả lời (Vu TTTN):

Việc cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp có từ 02 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trở lên trên địa bàn 01 tỉnh nhằm phân cấp các doanh nghiệp có nhiều hơn 01 cửa hàng bán lẻ xăng dầu, phục vụ công tác quản lý hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu của doanh nghiệp, kiểm soát tốt hơn việc doanh nghiệp thực hiện quy định ký hợp đồng đại lý bán lẻ xăng dầu với 01 tổng đại lý hoặc Thương nhân phân phối hoặc thương nhân đầu mối. Vì vậy, việc thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu hiện phù hợp với thực tiễn, chưa thể bãi bỏ.

III. Lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế và xuất nhập khẩu

1. Kiến nghị (SCT thành phố Cần Thơ)

Đề nghị Bộ Công Thương tập hợp và thống nhất chung các nội dung hướng dẫn, giải đáp các thắc mắc, kiến nghị của các địa phương và doanh nghiệp có liên quan đến Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ đến Sở Công Thương các tỉnh, thành phố để làm cơ sở tham khảo, thực hiện thống nhất trong quá trình cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

Trả lời (Vu KH):

Theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018, Bộ Công Thương không được Chính phủ giao nhiệm vụ ban hành văn bản pháp quy quy định/hướng dẫn chi tiết Nghị định này, do vậy theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,

Bộ Công Thương không có cơ sở để ban hành văn bản pháp quy (ví dụ dưới hình thức Thông tư) quy định/ hướng dẫn chi tiết Nghị định.

Tuy nhiên, ngay sau khi Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 được ban hành, Bộ Công Thương (Vụ Kế hoạch đã tổ chức các Hội nghị tập huấn tại ba miền để tập huấn, quán triệt cho các Sở Công Thương trên toàn quốc về quan điểm, mục tiêu quản lý nhà nước và về nội dung Nghị định. Từ năm 2018, Bộ Công Thương luôn hết sức khẩn trương, kịp thời giải đáp, tháo gỡ, hỗ trợ các Sở Công Thương trên toàn quốc về nghiệp vụ chuyên môn cũng như về các vướng mắc liên quan đến nội dung Nghị định bằng nhiều biện pháp, quan nhiều kênh thông tin (văn bản, điện thoại thường trực, email, đường dây nóng, cổng thông tin của Bộ, Chính phủ...) để hướng dẫn các Sở Công Thương thực hiện theo đúng nội dung quy định của Nghị định, với tinh thần và trách nhiệm cao nhất của cơ quan quản lý ngành.

Nắm bắt và ghi nhận ý kiến phản ánh của các Sở Công Thương trên toàn quốc về nội dung Nghị định, hiện nay, Bộ Công Thương đang tổng hợp, rà soát, nghiên cứu, đánh giá và xây dựng phương án đề xuất, báo cáo Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để khắc phục một số nội dung còn vướng mắc theo kiến nghị của các Sở Công Thương cũng như để phù hợp hơn với quy định của Luật Đầu tư mới sửa đổi (sẽ có hiệu lực từ tháng 01/2021) và các nội dung cam kết quốc tế mới của Việt Nam trong các FTAs thế hệ mới như CPTPP, EVFTA...

2. Kiến nghị (SCT thành phố Cần Thơ)

Đề nghị Bộ Công Thương có ý kiến với Tổng Cục hải quan chia sẻ thông tin kim ngạch thị trường xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trên địa bàn đến Sở Công Thương các tỉnh, thành phố theo định kỳ, để Sở Công Thương có cơ sở dữ liệu thống kê nhằm phục vụ cho nhiệm vụ ngành quản lý.

Trả lời (Cục XNK):

Việc thống kê và công bố số liệu thống kê thực hiện theo quy định tại Luật Thống kê và Luật Hải quan. Theo đó, thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc trách nhiệm của cơ quan hải quan. Số liệu tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng tháng, quý, năm í theo mặt hàng, theo từng thị trường và của từng địa phương được cập nhật trên trang Thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan. Về phía Bộ Công Thương cũng sử dụng từ nguồn số liệu do Tổng cục Hải quan công bố nêu trên để thống kê, đánh giá, phục vụ công tác điều hành.

Đối với các số liệu chi tiết về mặt hàng, doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn, các địa phương cần trao đổi, đề xuất với Tổng cục Hải quan để có cơ chế cung cấp thông tin phù hợp.

Về thông tin cơ bản tình hình thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, Bộ Công Thương luôn chú trọng cung cấp cho các địa phương, Hiệp hội, doanh nghiệp thông quan nhiều hình thức như thông tin cảnh báo về chống bán phá giá; các bản tin tình hình thị trường, giá cả của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương; các buổi Họp giao ban xuất khẩu; các Hội thảo, hội nghị cũng như thông tin cập nhật tại Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương, Cổng Thông tin thị trường nước ngoài (<http://vietnamexport.com/>), thông tin từ các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài...

IV. Lĩnh vực an toàn thực phẩm

1. Kiến nghị (SCT tỉnh Trà Vinh)

Về việc cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Trà Vinh khoảng 90% là cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, quy mô sản xuất hộ gia đình, có từ 1 đến 5 lao động, có nhiều cơ sở vừa là chủ cơ sở vừa là người trực tiếp sản xuất, kinh doanh, nhiều cơ sở chỉ có 01 người sản xuất (là chủ cơ sở). Theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 9, Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP quy định: Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận. Như vậy, trường hợp cơ sở có nhiều lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh thì chủ cơ sở xác nhận cho người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm. Nhưng đối với trường hợp, cơ sở sản xuất, kinh doanh vừa là chủ cơ sở vừa người trực tiếp sản xuất, kinh doanh (chỉ có 01 người là chủ cơ sở), kiến nghị Bộ Công Thương có hướng dẫn cụ thể để thực hiện đối với trường hợp này.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

Tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) quy định “Người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận” và tại điểm đ khoản 1 Điều 24a Nghị định số 77/2016/NĐ-CP (được bổ sung tại Điều 12 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) quy định thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm có “Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh

doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở”. Vì vậy, đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể các vấn đề có liên quan đến công tác tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm như: nội dung tập huấn, điều kiện của báo cáo viên; thời gian tập huấn; hoạt động kiểm tra, sát hạch, công nhận kết quả và hiệu lực của kết quả tập huấn,....

Việc giao quyền cho chủ cơ sở tổ chức tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho người lao động tạo điều kiện thuận lợi lớn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ gặp không ít khó khăn do chủ cơ sở thường không có điều kiện kinh tế để thuê tư vấn, không đủ kiến thức để tự tập huấn cho người lao động. Đến khi Bộ Công Thương bãi bỏ thủ tục xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm hiện hành thì loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ sẽ gặp khó khăn trong tập huấn và xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm.

Vì vậy, kiến nghị Bộ Công Thương có quy định cụ thể để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ trong tập huấn, xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm.

3. Kiến nghị (SCT thành phố Cần Thơ)

Căn cứ Hướng dẫn tại Công văn số 3026/BCT-KHCN ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về ATTP, Bộ Công Thương có ý kiến hướng dẫn “Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định “Người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận”, do đó, Sở Công Thương và các đơn vị do Bộ Công Thương chỉ định không tiếp tục thực hiện thủ tục tiếp nhận hồ sơ, tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất khi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP có hiệu lực.”

Tuy nhiên, căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính (TTHC) sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, nội dung Quyết định công bố các TTHC sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ theo quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ, Quyết định nêu trên không công bố bãi bỏ TTHC “Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến

thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương”.

Vì vậy, để có cơ sở triển khai hướng dẫn cụ thể cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn và tham mưu thực hiện công bố TTHC được đầy đủ và kịp thời, Sở Công Thương kính đề nghị Bộ Công Thương ban hành Quyết định bãi bỏ TTHC nêu trên để Sở Công Thương các tỉnh/ thành phố có cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ban hành Quyết định công bố TTHC theo đúng quy định.

Trả lời kiến nghị 1,2,3 (Vu KHCN):

Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định “Người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận”.

Nội dung, hình thức và thời gian tập huấn không có quy định mà sẽ do chủ cơ sở tự quyết định. Người trực tiếp sản xuất và chủ cơ sở sẽ được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm khi đạt kết quả qua bài kiểm tra về kiến thức.

Bộ câu hỏi kiểm tra và đáp án trả lời để đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm được ban hành tại Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26 tháng 5 năm 2020 (bãi bỏ Quyết định số 6409/QĐ-BCT ngày 21/7/2014). Theo đó tổ chức, cá nhân có thẩm quyền (được giao thực hiện việc kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm) có trách nhiệm chọn ngẫu nhiên 30 câu hỏi (gồm 20 câu thuộc kiến thức chung và 10 câu thuộc kiến thức chuyên ngành) trong bộ câu hỏi để kiểm tra và đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm cho phù hợp với từng đối tượng áp dụng để tập huấn cho bản thân và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Thời gian kiểm tra để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm là 45 phút. Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.

Mẫu Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm được quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ

sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

4. Kiến nghị (SCT tỉnh Trà Vinh)

Kiến nghị Bộ Công Thương sớm ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý quy định tại Điều 64 Luật an toàn thực phẩm và các nhóm sản phẩm thuộc lĩnh vực ngành công thương quản lý, nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở địa phương, cũng như trong công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm.

5. Kiến nghị (SCT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

- Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý quy định tại Điều 64 Luật an toàn thực phẩm và các nhóm sản phẩm trong Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Sớm gửi Bộ Y tế ban hành quy định về mức giới hạn an toàn đối với các nhóm sản phẩm trong Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Trả lời kiến nghị 4,5 (Vu KHCN)

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Bộ Công Thương có trách nhiệm “Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý”. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Công Thương đã ban hành “Lộ trình hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành Công Thương đến năm 2025”.

Trong thời gian Bộ Công Thương chưa ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thay thế, cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, tổ chức, các nhân văn căn cứ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Y tế ban hành để thực hiện nội dung tự công bố sản phẩm, phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý nhà nước.

6. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

Hiện nay chưa có quy định cụ thể các chỉ tiêu kiểm nghiệm cho từng loại sản phẩm nên doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc xét nghiệm đúng và đầy đủ

chỉ tiêu để xét nghiệm mẫu khi thực hiện tự công bố sản phẩm. Việc xác định chỉ tiêu nào cần xét nghiệm hoàn toàn do ý chủ quan của doanh nghiệp hoặc ý kiến hướng dẫn chủ quan của cơ quan quản lý từng địa phương căn cứ vào nhiều tiêu chuẩn, quy chuẩn khác nhau.

Vì vậy, trước mắt kiến nghị Bộ Công Thương ban hành quy định cụ thể hoặc hướng dẫn việc xác định các chỉ tiêu bắt buộc phải kiểm nghiệm mẫu thực phẩm khi thực hiện thủ tục công bố sản phẩm thực phẩm để Sở Công Thương làm căn cứ khi tiếp nhận và hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục tự công bố sản phẩm thực phẩm vì thành phần cấu thành của sản phẩm rất đa dạng, nhiều loại nguyên liệu (Ví dụ sản phẩm bánh có nhiều thành phần như: bột, trứng, sữa, kem, ... nên việc xác định các chỉ tiêu cần kiểm nghiệm liên quan đến nguyên liệu sản phẩm quá nhiều trong khi một số thành phần chiếm tỷ lệ rất ít để tạo thành sản phẩm). Về lâu dài, kiến nghị Bộ Công Thương sớm ban hành các bộ quy chuẩn riêng (quy định các chỉ tiêu cụ thể) cho từng nhóm sản phẩm: bánh, kẹo, mứt, bột và tinh bột,....

Trả lời (Vu KHCN)

Các chỉ tiêu cần kiểm nghiệm của sản phẩm thực phẩm để phục vụ công tác hậu kiểm căn cứ vào bản tự công bố sản phẩm của doanh nghiệp.

Đối với các sản phẩm thực phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm đã có QCVN riêng (như sản phẩm sữa dạng lỏng, sữa lên men, chất béo từ sữa, sữa dạng bột, phomai, đồ uống có cồn, đồ uống không cồn): các chỉ tiêu cần kiểm nghiệm để phục vụ công bố sản phẩm là các chỉ tiêu được phân loại chỉ tiêu là mức A.

Đối với các sản phẩm thực phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm áp dụng QCVN về mức giới hạn, Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm và các Thông tư thay thế từng phần của Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: các chỉ tiêu cần kiểm nghiệm để phục vụ công bố sản phẩm là các chỉ tiêu được quy định tại các văn bản trên do doanh nghiệp lựa chọn.

7. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

Theo Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP: “Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện tự công bố thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, ...”. Theo khoản 27 Điều 2 Luật An toàn thực phẩm quy định: “Thực phẩm bao gói sẵn là thực phẩm được bao gói và ghi nhãn hoàn chỉnh, sẵn sàng để bán trực tiếp cho mục đích chế biến hoặc sử dụng để ăn

ngay”. Trong khi bao gói sẵn chưa phân biệt bao gói kín và bao gói hở; các sản phẩm có bao gói mà không ghi nhãn hoàn chỉnh thì có bắt buộc thực hiện tự công bố không? Ví dụ: ổ bánh mì là sản phẩm không bao gói thì không thực hiện tự công bố. Còn bánh mì ngọt có bao gói nhưng bao gói hở và ghi nhãn không hoàn chỉnh có thuộc đối tượng tự công bố?

Vì vậy đề nghị Bộ Công Thương có văn bản hướng dẫn cụ thể hơn đối với việc thực hiện tự công bố sản phẩm thực phẩm.

Trả lời (Vu KHCN)

Đối tượng sản phẩm thực phẩm thực hiện tự công bố sản phẩm được quy định cụ thể tại Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải thực hiện quy định trên với mục tiêu thông tin trung thực về an toàn thực phẩm đối với người tiêu dùng.

8. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

Tại điểm d khoản 1 Điều 24a Nghị định số 77/2016/NĐ-CP (được bổ sung tại Điều 12 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) quy định thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm có “Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp”.

Để tránh sự nhầm lẫn hoặc làm phát sinh cách hiểu khác nhau khi áp dụng quy định nêu trên, đề nghị Bộ Công Thương xác định rõ “Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe” nêu trên được chủ cơ sở xác nhận căn cứ trên kết quả khám sức khỏe của từng cá nhân do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp hay dựa trên nhận định chủ quan của chủ cơ sở (không căn cứ trên kết quả khám sức khỏe cụ thể).

Trả lời (Vu KHCN):

Điều 12 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP nội dung về xác nhận đủ sức khỏe yêu cầu trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định doanh nghiệp lựa chọn 1 trong 2 hình thức (...hoặc...). Chủ cơ sở chịu trách nhiệm (có xác nhận) đối với danh sách tổng hợp đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Theo quy định tại Luật An toàn thực phẩm, người sản xuất, kinh doanh phải đủ sức khỏe để tham gia sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Thực tế trong luật lao động cũng đã có quy định về khám sức khỏe khi tuyển dụng và khám sức

khỏe định kỳ đối với người lao động theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 6/5/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe.

Khoản 5 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP quy định “Người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải bảo đảm yêu cầu về sức khỏe; không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp”.

Đối với người sản xuất, kinh doanh thực phẩm, yêu cầu quan trọng nhất là không truyền bệnh qua thực phẩm do đó quy định không mắc các bệnh truyền nhiễm. Việc quy định này không có nghĩa là trước khi vào làm ở cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm người lao động và chủ cơ sở phải khám sức khỏe xác định không mắc các bệnh này mà trong quá trình sản xuất, kinh doanh nếu người lao động phát hiện mắc các bệnh này thì phải được đưa ra khỏi khu vực sản xuất và điều trị cho đến khi khỏi bệnh mới được trở lại sản xuất, kinh doanh. Trách nhiệm thuộc về chủ cơ sở, nếu để người mắc các bệnh trên mà gây ra hậu quả truyền bệnh cho người tiêu dùng thì chủ cơ sở sẽ bị xử lý theo pháp luật.

9. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

Về xác định loại rượu

Tại quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP bãi bỏ nội dung giải thích từ ngữ về “rượu” quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

Để thống nhất trong áp dụng quy định, đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể đối với các loại nước trái cây lên men có độ cồn dưới 5,5% theo thể tích có thuộc hay không thuộc loại rượu dưới 5,5 độ được nêu tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

Trả lời (Cục CN):

Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương đã bãi bỏ khoản 1 Điều 3 (giải thích từ ngữ về “rượu”) của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. Bởi vì, theo khoản 1 Điều 2 Luật Phòng chống tác hại rượu bia số 44/2019/QH14 ngày 14 tháng 06 năm 2019, “rượu” đã được quy định như sau: “Rượu là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ một hoặc hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm tinh bột của ngũ cốc, dịch đường của cây, hoa, củ, quả hoặc là đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm”.

Vì vậy, nước trái cây lên men có độ cồn dưới 5,5 độ theo thể tích là rượu và phải chịu sự điều chỉnh của Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia, Nghị định số 105/2017/NĐ-CP, số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

V. Lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

1. Kiến nghị (SCT tỉnh Tiền Giang)

1.1. Đối với Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Đề nghị xem xét, nghiên cứu trình Chính phủ bổ sung khoản 3 Điều 8 của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: trường hợp phải lấy ý kiến của Bộ Công Thương khi cấp giấy phép kinh doanh trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và bổ sung Điều 13 trình tự cấp Giấy phép kinh doanh trong trường hợp nêu trên (kể cả trường hợp dịch vụ kinh doanh chưa được cam kết trong Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên - khoản 3 Điều 9).

Trả lời (Vu KH)

Bộ Công Thương ghi nhận ý kiến phản ánh của Sở Công Thương Tiền Giang để rà soát, nghiên cứu và đề xuất, báo cáo Chính phủ sửa đổi hoặc thay thế Nghị định số 09/2018/NĐ-CP khi đủ điều kiện thực hiện việc sửa đổi hoặc thay thế theo đúng quy định và có ý kiến bổ sung làm rõ như sau:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP, trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trước khi đăng ký thực hiện các hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa thì cơ quan đăng ký đầu tư phải hỏi ý kiến Bộ Công Thương trước khi ghi nhận nhà đầu tư đăng ký thực hiện các hoạt động đó theo quy định tại Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp.

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: "Bộ Công Thương, bộ quản lý ngành...xem xét, chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 9 Nghị định này".

Quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP là về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Do vậy, Sở Công Thương gửi lấy ý kiến Bộ Công Thương đối với các hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP theo đúng quy định tại Điều 10 của Nghị định.

1.2. Đối với Quyết định số 233/QĐ-BCT ngày 18/01/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực thương mại quốc tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.

1.2.1. Tại trang 15 của danh mục công bố thủ tục “Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài”, Bộ Công Thương chưa công bố đầy đủ trình tự thủ tục của các trường hợp cấp điều chỉnh. Trong khi đó, Khoản 2 Điều 16 (trình tự điều chỉnh GPKD) của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP nêu: “Trình tự thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị định này”. Điều 13 của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP nêu trình tự thủ tục cấp giấy phép kinh doanh với từng trường hợp theo quy định tại Điều 5 của Nghị định, trong đó, cũng có trường hợp không cần hỏi ý kiến Bộ Công Thương.

Nhưng trong công bố thủ tục hành chính thì Bộ Công Thương không tách ra theo như Nghị định mà yêu cầu hỏi ý kiến Bộ trong tất cả các trường hợp xin cấp điều chỉnh. Như vậy là chưa phù hợp với quy định của Nghị định. Do đó, đề nghị Bộ Công Thương xem xét, điều chỉnh lại thủ tục hành chính nêu trên để Sở Công Thương có cơ sở điều chỉnh công bố thủ tục trên phần mềm “Một cửa điện tử” thực hiện đúng theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

Trả lời (Vu KH)

Việc công bố các thủ tục hành chính để hướng dẫn về quy trình, thủ tục đã được quy định chi tiết và cụ thể tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Nguyên tắc chính của Nghị định 09/2018/NĐ-CP đối với các trường hợp khi cấp Giấy phép phải lấy ý kiến Bộ Công Thương thì khi điều chỉnh các nội dung đó cũng sẽ phải lấy ý kiến Bộ. Khoản 3 Điều 8 của Nghị định đã nêu rõ về các trường hợp cấp, điều chỉnh phải lấy ý kiến Bộ Công Thương.

Do vậy, cơ quan cấp phép căn cứ vào các quy định tại khoản 3 Điều 8 và trình tự thủ tục quy định tại Điều 13 để tiếp nhận và xử lý các thủ tục hành chính cho phù hợp

1.2.2. Tại trang 18: thời hạn giải quyết “Cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Khoản 2 Điều 20 của Nghị định 09/2018/NĐ-CP quy định: trình tự cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thực hiện theo quy định tại Điều 13 (thời hạn cấp là 10 ngày làm việc và 28 ngày làm việc tùy thủ tục) và Điều 28 của Nghị định (thời hạn cấp là 20 ngày làm việc); Nghị định 09/2018/NĐ-CP không quy định rõ thời hạn của thủ tục cấp Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ là thời hạn theo thủ tục nào của Điều 13 và Điều 28 và Bộ Công Thương công bố 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo Điều 28); việc cấp đồng thời 02 loại Giấy mất nhiều thời gian thẩm định và một số trường hợp phải lấy ý kiến Bộ Công Thương nên 20 ngày làm việc là không bảo đảm thời gian. Do đó, kính đề xuất Bộ Công Thương điều chỉnh công bố thủ tục nêu trên theo thời hạn 28 ngày làm việc (Điều 13).

Trả lời (Vu KH)

Bộ Công Thương ghi nhận về đề nghị nêu trên. Tuy nhiên, thủ tục hành chính này áp dụng về việc doanh nghiệp thực hiện hoạt động bán lẻ đồng thời với mở cơ sở bán lẻ. Trong trường hợp này, Bộ Công Thương chỉ có ý kiến đối với trường hợp lập cơ sở bán lẻ, còn hoạt động bán lẻ là thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương. Theo đó, sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của doanh nghiệp, Sở Công Thương có thể gửi lấy ý kiến Bộ Công Thương về việc lập cơ sở bán lẻ thứ nhất. Đồng thời, trong quá trình chờ ý kiến phản hồi của Bộ Công Thương, Sở Công Thương có thể xem xét thẩm định hồ sơ về nội dung Giấy phép kinh doanh theo thẩm quyền.

Như vậy, thời hạn 20 ngày áp dụng cho việc thẩm định song song của 02 cơ quan chức năng. TTHC không thể cộng dồn thời hạn xử lý của từng TTHC riêng lẻ theo như đề nghị nêu trên

VI. Lĩnh vực đăng ký tổ chức hội thảo, hội nghị và hội chợ triển lãm

1. Kiến nghị (SCT tỉnh An Giang)

- Hiện nay, có nhiều doanh nghiệp đến liên hệ Sở Công Thương để đăng ký tổ chức hội thảo, hội nghị tư vấn, giới thiệu và phân phối sản phẩm của doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang. Qua nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, thì Sở Công Thương chỉ xác nhận đăng ký tổ chức hội thảo, hội nghị thuộc lĩnh vực bán hàng đa cấp theo Nghị định số

40/2018/NĐ-CP ngày 12/03/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, các lĩnh vực khác Sở Công Thương không xác nhận đăng ký tổ chức hội thảo, hội nghị.

- Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tổ chức hội thảo, hội nghị tư vấn, giới thiệu và phân phối sản phẩm,... do doanh nghiệp tổ chức. Sở Công Thương kiến nghị Bộ Công Thương hỗ trợ, hướng dẫn trong công tác quản lý nhà nước và trách nhiệm các tổ chức, cá nhân liên quan trong công tác tổ chức hội thảo, hội nghị tư vấn, giới thiệu và phân phối sản phẩm,... và các văn bản có liên quan.

Trả lời (Cục XTTM)

Tại Mục 3 Chương IV Luật Thương mại đã quy định cụ thể về hoạt động trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ, theo đó hoạt động tổ chức hội nghị, hội thảo có trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ là một trong những hình thức trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ đã được quy định tại Điều 120 Luật Thương mại. Luật Thương mại cũng không quy định về thủ tục hành chính đối với hoạt động trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ. Vì vậy, thương nhân khi thực hiện các hoạt động trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ sẽ phải tuân thủ theo các quy định tại Mục 3 Chương IV Luật Thương mại và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành. Đề nghị Sở Công Thương áp dụng các quy định tại Luật Thương mại và các quy định khác có liên quan (nếu có) để thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

VII. Lĩnh vực thương mại điện tử

1. Kiến nghị (SCT tỉnh Bình Phước)

Tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử và Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định quản lý website thương mại điện tử, theo đó quy định các thương nhân, tổ chức hoạt động website TMĐT đều phải thực hiện thủ tục thông báo, hoặc đăng ký với Bộ Công Thương trước khi hoạt động, nhưng chưa quy định về chế độ báo cáo của các thương nhân, tổ chức hoạt động website TMĐT có trụ sở đóng trên địa bàn tại địa phương thực hiện báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương. Điều này dẫn đến công tác quản lý nhà nước về TMĐT ở địa phương gặp khó khăn trong việc nắm bắt các thông tin để quản lý và giám sát các hoạt động TMĐT của các thương nhân, tổ chức này.

Trả lời (Cục TMĐT):

Việc quy định một đầu mối duy nhất tiếp nhận và xử lý hồ sơ của thương nhân, tổ chức thực hiện thủ tục thông báo/ đăng ký website TMĐT là chủ trương của Chính phủ tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

Liên quan đến việc quản lý TMĐT tại địa phương thông qua Hệ thống Quản lý hoạt động TMĐT (online.gov.vn), Bộ Công Thương đã cấp tài khoản truy cập Hệ thống cho Sở Công Thương 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tìm kiếm và nắm bắt được tình hình hoạt động TMĐT của các thương nhân, tổ chức, cá nhân đã thực hiện thủ tục thông báo, đăng ký với Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh/thành phố của địa phương đó, hỗ trợ cung cấp thông tin cho công tác thanh tra, kiểm tra cũng như xử lý vi phạm liên quan đến lĩnh vực TMĐT.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Bình Phước)

Các văn bản quy phạm pháp luật về Thương mại điện tử chưa quy định cụ thể về cách thức quản lý và chế tài xử lý của một số hoạt động kinh doanh qua các mạng xã hội, nên một số tổ chức, cá nhân lợi dụng các trang mạng xã hội để hoạt động kinh doanh không lành mạnh, gian lận thương mại, không thực hiện nghĩa vụ thuế... Công tác quản lý nhà nước về thuế, thương mại gặp khó khăn. Vì vậy kiến nghị cần rà soát điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu trong công tác QLNN.

3. Kiến nghị (SCT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

Sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

Trả lời kiến nghị 2,3 (Cục TMĐT):

Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương về quản lý website TMĐT đã quy định các mạng xã hội có tính năng như sàn giao dịch TMĐT phải tuân thủ các quy định về sàn giao dịch TMĐT tại Nghị định 52.

Tuy nhiên, hoạt động TMĐT trên mạng xã hội có những đặc điểm không tương đồng với sàn giao dịch TMĐT; việc áp dụng quy định chung như hiện nay, thực tiễn cho thấy chưa phù hợp. Mạng xã hội khá đa dạng ở cách thức đăng bài, có thể là trên trang cá nhân, hoặc trên chuyên trang (fanpage), trên marketplace của facebook; mặt khác cách thức giao kết hợp đồng, thỏa thuận mua bán, hay phương thức thanh toán cũng đa dạng và không thông qua sàn. Do đó, để đảm

bảo tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, Bộ Công Thương đang xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử, trong đó quy định yêu cầu cụ thể đối với đơn vị quản lý mạng xã hội có tính năng như sàn giao dịch thương mại điện tử trong văn bản ở mức Nghị định thay vì ở mức Thông tư như hiện nay. Đồng thời, bổ sung các quy định đặc thù riêng, khi giao dịch giữa các bên có thể được tiến hành ngoài tầm kiểm soát của các đơn vị quản lý mạng xã hội.

VIII. Lĩnh vực xúc tiến thương mại

1. Kiến nghị (SCT tỉnh An Giang)

Trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh có nhiều doanh nghiệp tự tổ chức hoạt động thương mại với hình thức phiên chợ, tuần lễ mua sắm (thường hoạt động từ 3-5 ngày),... việc tổ chức phiên chợ, tuần lễ mua sắm là một hoạt động để thương nhân trưng bày, giới thiệu hàng hoá, dịch vụ nhằm mục đích thúc đẩy mua bán hàng hoá của các đơn vị tham gia phiên chợ, tuần lễ mua sắm tại một địa điểm và thời gian nhất định. Xét về hình thức tổ chức tương tự như tổ chức hội chợ nhưng quy mô của phiên chợ, tuần lễ mua sắm thường nhỏ hơn hội chợ, số lượng hàng hóa ít hơn hội chợ.

Theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại. Theo đó, chỉ quy định về hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại không quy định về hoạt động phiên chợ, tuần lễ mua sắm.

Do đó, xuất phát từ tình hình thực tế tổ chức phiên chợ, tuần lễ mua sắm,... do thương nhân tự tổ chức có thuộc đối tượng phải làm thủ tục hành chính như là tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại hay không? Sở Công Thương kiến nghị Bộ Công Thương hỗ trợ, hướng dẫn trong công tác quản lý nhà nước và trách nhiệm các tổ chức, cá nhân liên quan trong hoạt động tổ chức phiên chợ, tuần lễ mua sắm,... và các văn bản có liên quan.

Trả lời (Cục XTTM):

Pháp luật hiện hành không có quy định về phiên chợ, tuần lễ mua sắm mà chỉ có quy định về hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại (Luật Thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP) và hoạt động phát triển, quản lý chợ (Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP). Vì vậy, trừ trường hợp có quy định khác về phiên chợ, tuần lễ mua sắm, đề nghị Sở Công Thương căn

cứ theo các quy định của pháp luật nêu trên để xác định chính xác hoạt động mà doanh nghiệp thực hiện thuộc đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật nào nêu trên nhằm thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước đối với các hoạt động thương mại của doanh nghiệp.

2. Kiến nghị (SCT thành phố Cần Thơ)

Theo quy định tại khoản 5 Điều 29, Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại. Hồ sơ đăng ký tổ chức hội chợ triển lãm thương mại gồm:

- 01 Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo mẫu;
- 01 Bản sao không cần chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc các quyết định khác có giá trị tương đương.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc do địa điểm tổ chức hội chợ, triển lãm tại địa bàn quận, huyện quản lý, thời gian trả hồ cho doanh nghiệp theo quy định 07 ngày.

Để kịp thời gian trả hồ sơ cho doanh nghiệp, và thuận lợi cho doanh nghiệp tổ chức cũng như cơ quan quản lý, Sở Công Thương thành phố Cần Thơ đề nghị sửa đổi Điểm a, Khoản 2, Điều 29 Nghị định cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại giao cho Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện. Doanh nghiệp sẽ được thuận lợi khi liên hệ với chính quyền địa phương để tổ chức hội chợ, triển lãm cũng như phối hợp thực hiện các vấn đề khác có liên quan như: an ninh, trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường,... Đối với cơ quan quản lý quận, huyện thuận lợi trong xác định địa điểm, và quản lý doanh nghiệp trong quá trình tổ chức hội chợ triển, lãm thương mại tại địa bàn theo quy định.

Trả lời (Cục XTTM):

Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại phân cấp quản lý nhà nước đối với hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ngoài ra, khoản 13 Điều 29 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định hàng năm (trước ngày 01 tháng 10) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố Danh mục địa điểm được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh trong năm sau. Do vậy, đề nghị Sở Công Thương

thành phố Cần Thơ phối hợp với các cơ quan có liên quan tại địa phương (Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện,...) tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ công bố Danh mục địa điểm được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức hội chợ, triển lãm trên địa bàn thành phố Cần Thơ để thuận tiện cho công tác quản lý nhà nước, cũng như thuận lợi cho doanh nghiệp khi tổ chức hội chợ, triển lãm trên địa bàn.

3. Kiến nghị (SCT tỉnh Bình Dương)

Hiện nay căn cứ pháp lý để xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Dương đang áp dụng theo Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia. Đến ngày 30/7/2019, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 11/2019/TT-BCT về việc hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại (nhưng chưa được Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi cụ thể).

Do vậy, để đảm bảo tính thống nhất các nội dung chi và mức chi hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại một cách rõ ràng, cụ thể, phù hợp tình hình thực tế ở địa phương, qua đó tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế cùng tham gia đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển sản xuất kinh doanh. Kiến nghị Bộ Công Thương có ý kiến đề Bộ Tài chính ban hành thông tư hướng dẫn mức hỗ trợ kinh phí đối với các nội dung có quy định tại Thông tư số 11/2019/TT-BCT mà chưa được quy định tại Thông tư số 171/2014/TT-BTC để có cơ sở đưa vào “Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Dương”.

4. Kiến nghị (SCT tỉnh Bến Tre)

Hiện nay, Sở Công Thương xây dựng Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre căn cứ vào Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính. Ngày 26/2/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ. Và Bộ Công Thương cũng đã ban hành Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019

về hướng dẫn thực hiện hoạt động Xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại. Tuy nhiên, đến nay Bộ Tài chính vẫn chưa ban hành Thông tư điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia.

Do đó, Sở Công Thương Bến Tre kiến nghị Bộ Công Thương tác động Bộ Tài chính sớm ban hành Thông tư điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia, nhằm để tạo thuận lợi Sở Công Thương Bến Tre điều chỉnh, xây dựng lại Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre theo các nội dung quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành và các định mức chi phí phù hợp với điều kiện tình hình thực tế hiện nay. Đồng thời, để đạt được sự thống nhất về nội dung của văn bản quy phạm pháp luật từ Trung ương đến địa phương, tránh việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh lại nhiều lần.

5. Kiến nghị (SCT tỉnh Vĩnh Long)

Sở Công Thương Vĩnh Long kiến nghị Bộ Công Thương trao đổi với Bộ Tài chính sớm ban hành Thông tư điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia.

Trả lời kiến nghị 3,4,5 (Cục XTMM):

Sau khi Thông tư 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ Công Thương được ban hành, Cục Xúc tiến thương mại đã khẩn trương làm việc với Bộ Tài chính để phối hợp, xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 171/2014/TT-BTC hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại.

Hiện tại, việc xây dựng Thông tư đang trong quá trình hoàn tất, dự kiến Thông tư sẽ được Bộ Tài chính ban hành trong năm 2020.

6. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Nai)

6.1. Để từng bước đạt được các chỉ tiêu về giải quyết thủ tục hành chính thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị

quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025 (100% hồ sơ nộp trực tuyến).

Thực tế hiện nay, khá nhiều tỉnh, thành đã thực hiện xây dựng phần mềm chương trình khuyến mại bằng hình thức trực tuyến (đảm bảo tiếp nhận 100% hồ sơ thông báo thực hiện khuyến mại/ thông báo sửa đổi bổ sung do thương nhân gửi đến), Do vậy, Sở Công Thương Đồng Nai kiến nghị Bộ Công Thương tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, sửa đổi Khoản 3 Điều 17, Khoản 2 Điều 18, Khoản 3 Điều 19, Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, trong đó:

“Đối với các địa phương đã có phần mềm thông tin khuyến mại thì chỉ có 01 cách thức đăng ký là: c) Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp (không tiếp nhận hồ sơ giấy);

Không thực hiện nội dung Điểm a) Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Điểm b) Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.”

Trả lời (Cục XTTM):

Việc quy định nhiều cách thức nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính như hiện hành nhằm đảm bảo cho thương nhân có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ thuận tiện, đồng thời đảm bảo phù hợp với nguyên tắc quy định về thủ tục hành chính theo pháp luật hiện hành về kiểm soát thủ tục hành chính. Việc quy định bắt buộc doanh nghiệp chỉ được thực hiện 01 cách thức nộp hồ sơ có thể vô hình chung đi ngược lại với chủ trương đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ, gây khó khăn nhất định cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

6.2. Hiện nay, đối với thủ tục thông báo thực hiện khuyến mại trên Cổng dịch vụ công quốc gia chỉ có nội dung nộp Thông báo hoạt động khuyến mại, chưa có nội dung Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại, do đó gây khó khăn, bất tiện cho thương nhân khi thực hiện sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại (doanh nghiệp phải nộp bản giấy đến các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại).

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân, Sở Công Thương Đồng Nai kiến nghị Bộ Công Thương tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, thực hiện

liên thông thủ tục thông báo sửa đổi, bổ sung chương trình khuyến mại trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trả lời (Cục XTTM):

Cục Xúc tiến thương mại sẽ tiếp thu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét và bổ sung thủ tục Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

IX. Lĩnh vực Quản lý Cạnh tranh và Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

1. Kiến nghị (SCT tỉnh Bình Phước)

Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Nghị định này không quy định doanh nghiệp khi tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương ngoài trụ sở chính phải thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương đó, cho nên các doanh nghiệp né tránh chỉ đăng ký người đại diện doanh nghiệp tại địa phương, điều này dẫn đến khó khăn trong QLNN tại địa phương trong nắm bắt các thông tin để quản lý và giám sát các hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương. Mặt khác, trong một số trường hợp khi có vấn đề phát sinh, cơ quan chức năng liên hệ với người đại diện tại địa phương không được.

Kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp nhằm thực hiện tốt công tác QLNN đồng thời bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Trả lời (Cục CT&BVNTD):

Hiện nay, Bộ Công Thương đang thực hiện rà soát các vướng mắc, bất cập trong quá trình thực thi Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp để xem xét, kiến nghị Chính phủ cho phép sửa đổi, bổ sung Nghị định này. Bộ Công Thương sẽ ghi nhận ý kiến góp ý của Sở Công Thương tỉnh Bình Phước để xem xét trong quá trình kiến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Cà Mau)

Hiện nay, Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, thì quy định hình thức hoạt động bán hàng đa cấp được thực hiện thông qua mạng lưới những người tham gia cá nhân, các doanh nghiệp kinh doanh không bắt buộc có chi nhánh văn phòng đại diện, điều này gây khó khăn cho công tác giám sát, kiểm

tra dễ gây những diễn biến phức tạp, vi phạm pháp luật. Từ đó đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2018/NĐ-CP theo hướng quy định các doanh nghiệp kinh doanh theo phương thức đa cấp tại các tỉnh phải đăng ký chi nhánh hoặc văn phòng đại diện trực thuộc doanh nghiệp.

Đề nghị Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng - Bộ Công Thương hàng năm hỗ trợ đào tạo chuyên môn, tập huấn nghiệp vụ cho công tác quản lý, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; nhằm nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Trả lời (Cục CT&BVNTD):

Hiện nay, Bộ Công Thương đang thực hiện rà soát các vướng mắc, bất cập trong quá trình thực thi Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp để xem xét kiến nghị Chính phủ cho phép sửa đổi, bổ sung Nghị định này. Bộ Công Thương sẽ ghi nhận ý kiến góp ý của Sở Công Thương tỉnh Cà Mau để xem xét trong quá trình kiến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.

Hoạt động đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp vẫn được Bộ Công Thương duy trì trong những năm vừa qua. Cụ thể, hàng năm Bộ Công Thương đều tổ chức 03 hội nghị tại 03 miền Bắc, Trung, Nam và mời đại diện tất cả các Sở Công Thương tham dự, trong đó có Sở Công Thương Cà Mau. Ngoài ra, theo đề nghị của các Sở Công Thương, Cục CT&BVNTD cũng đã cử cán bộ tham gia giảng dạy tại các buổi hội nghị, tập huấn do các Sở Công Thương tổ chức liên quan đến công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

Trong năm 2020, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục duy trì các hoạt động nêu trên nhằm tạo kênh kết nối, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ các Sở Công Thương trong công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Trường hợp cần hỗ trợ cụ thể, đề nghị Sở Công Thương liên hệ với Cục CT&BVNTD để phối hợp.

PHẦN D - LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG

I. Lĩnh vực cung cấp điện, tiếp cận điện năng

1. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Nai)

Kiến nghị Bộ Công Thương sớm ban hành thủ tục liên thông cấp điện từ lưới điện trung, hạ áp trên toàn quốc.

Trả lời (Cục DL&NLTT):

Hiện nay, thủ tục liên thông cấp điện từ lưới điện trung, hạ áp đã được Bộ Tư pháp thẩm định cho ý kiến, Bộ Công Thương dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định ban hành trong tháng 7 năm 2020.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

Về cung cấp điện Côn Đảo: Từ năm 2018, nhu cầu tăng trưởng điện hàng năm của huyện Côn Đảo trung bình tăng trưởng trên 20%, nhất là điện phục vụ dịch vụ du lịch và điện sản xuất kinh doanh. Đến nay theo đánh giá ngành điện, nguồn điện diesel chỉ đáp ứng khoảng 70% nhu cầu công suất của toàn huyện đảo. Theo công văn số 7093/BCT-ĐL ngày 31/8/2018 của Bộ Công Thương về việc trả lời kiến nghị của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại Hội nghị Chính phủ với địa phương, theo đó giai đoạn 2018 – 2020 đưa ra những giải pháp nhằm đảm bảo cung cấp điện cho huyện Côn Đảo, tuy nhiên đến nay vẫn chưa triển khai hoàn thành 02 giải pháp (công trình lưới điện Microgrid huyện Côn Đảo, dự án cấp điện bằng nguồn năng lượng mặt trời huyện Côn Đảo tại khu Bãi Đất Dốc công suất 3MWp). Vì vậy, kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện 02 giải pháp nêu trên, đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư thêm các nguồn diesel nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt và phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện Côn Đảo trong thời gian tới.

Trả lời (Tổng công ty Điện lực miền Nam):

Tình hình cung cấp điện trên địa bàn huyện Côn Đảo.

- Hiện trạng nguồn và lưới điện tại Côn Đảo:

Quy mô nguồn điện: trên địa bàn huyện Côn Đảo đang cấp điện từ 07 tổ máy phát điện Diesel, tổng công suất: $(4 \times 1.500 + 1 \times 1000 + 1 \times 1020 + 1 \times 800)$ kW, hệ thống máy phát điện này phát điện theo nhu cầu sử dụng điện của phụ tải trên địa bàn hiện có và đang phát điện như sau: phụ tải sử dụng lúc trung bình công suất phụ tải 3.900kW, phụ tải sử dụng lúc cao điểm $P_{max} = 4.800$ kW. Ngoài ra, phát điện từ hệ thống năng lượng mặt trời của hai khu vực: Khu vực nhà máy điện An Hội Lắp đặt = 36 kWp và tại nhà điều hành Điện lực Côn Đảo Plđ = 100kWp.

Quy mô lưới điện và trạm biến áp: trên địa bàn huyện Côn Đảo, khối lượng lưới điện đang QLVH như sau: (1) Lưới điện trung thế: 54,88km; (2) lưới điện hạ thế 24,80km; (3) Trạm biến áp : 40 trạm, tổng công suất 16.500kVA (trong đó có 07 trạm biến áp nâng áp, tổng dung lượng 11.750kVA; 33 trạm

biến áp, tổng dung lượng 4.750kVA); (4) trạm biến áp của khách hàng: 62 trạm, tổng dung lượng 7.125kVA.

- Tình hình cung cấp điện:

Bảng thống kê Sản lượng điện sản xuất, công suất và điện thương phẩm.

Năm	Điện sản xuất (kWh)	Điện thương phẩm (kWh)	Phụ tải Max (kW)
2018	20951.490	19.455.861	4000
2019	25.190.824	23.646.231	4.300
2020	28.000.000	27.000.000	4.800

Tổng số hộ dân có điện không nối lưới toàn huyện Côn Đảo: 2.484/2.484 đạt tỷ lệ 100%.

Huyện Côn Đảo sử dụng điện chủ yếu bằng nguồn điện Diesel. Hàng năm nhu cầu sử dụng điện tăng trung bình đến 20%, nhất là cấp điện phục vụ dịch vụ du lịch và điện sản xuất kinh doanh. Công suất cực đại (Pmax) của năm thường rơi vào các tháng 4, 5 hàng năm nhất là trong các kỳ nghỉ lễ 30/4 và 1/5 do nghỉ nhiều ngày, khách đi du lịch nhiều và là những tháng nắng nóng nhất trong năm. Đến thời điểm này khi phụ tải tăng cao, Công ty Điện lực chỉ đáp ứng nguồn điện đạt khoảng 70% nhu cầu công suất sử dụng, còn lại huy động máy phát điện Diesel tại chỗ của các khách hàng kinh doanh dịch vụ và sản xuất.

Tình hình thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Côn Đảo:

* Cấp điện bằng nguồn điện mặt trời cho huyện Côn Đảo, tỉnh BR-VT:

a. Quy mô xây dựng:

Khu bãi Đất Dốc, huyện Côn Đảo. Tổng diện tích xây dựng khoảng 43.500m², với quy mô đầu tư:

- Công suất lắp đặt khoảng 3.741 kWp, công suất phát định mức 3.000KVA, tấm pin điện mặt trời loại Mono 435Wp, 144cell; 30 bộ String Inverter có công suất 100kVA/bộ được xây dựng lắp đặt ngoài trời.

- Lắp đặt 02 tủ điện hạ thế 3P-4000A-100kA (mỗi Tủ điện hạ thế bên trong có thanh cái 4P-5000A, 01 ACB 3P-4000A-100kA; 01 ACB 3P-2500A-100kA; 15 MCCB 3P-200A-35kA, 02 MCCB 3P-63A-35kA, phụ kiện).

- Lắp đặt 02 MBA nâng áp 0,4/22kV - 2500kVA, dạng dầu và vỏ bằng tole nhúng kẽm nóng.

- Lắp đặt 01 dãy tủ điện trung thế gồm 05 ngăn tủ trung thế hợp bộ: 02 ngăn máy cắt đầu vào 24kV - 400A -25kA/1s (Incoming); 01 ngăn Đo đếm

trung thế (lắp đặt công tơ 2 chiều); 01 ngăn mắt cắt đầu ra 24kV - 630A -25kA/1s (Outgoing); 01 ngăn đầu nối (Bus riser) trong phòng xây chứa Tủ điện THT.

- Hệ thống điều khiển nhà máy lắp đặt trong phòng điều khiển.
- Nhà điều khiển.
- Xây dựng Hệ thống giàn đỡ pin mặt trời.

b. Tổng mức đầu tư: 113.327.414.819 đồng

c. Tình hình thực hiện:

- Công trình dự kiến xây dựng phù hợp với Quy hoạch phát triển nguồn năng lượng trên địa bàn huyện Côn Đảo, tỉnh BR-VT đến năm 2020, có xét đến năm 2030 tại Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh BR-VT và Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh BR-VT v/v phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu trung tâm Côn Sơn, huyện Côn Đảo, tỉnh BR-VT.

- Tổng công ty Điện lực miền Nam giao quản lý dự án công trình Cấp điện bằng nguồn điện mặt trời cho huyện côn đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại Quyết định số 1128/QĐ EVN SPC ngày 13/04/2016.

- Các cơ quan chức năng địa phương (UBND huyện Côn Đảo, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Khoa học công nghệ tỉnh BR-VT) cũng như Các Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng (Phòng Tác chiến – Bộ Tham mưu Quận khu 7; Ban CHQS huyện Côn Đảo) tại Biên bản số 01/BB-SCT ngày 07/02/2018 về việc khảo sát thực địa khu vực xây dựng nhà máy điện năng lượng mặt trời tại Bãi Dốc, huyện Côn Đảo để thống nhất vị trí đất dành cho dự án để lắp đặt hệ thống tấm pin mặt trời với diện tích đất khoảng 4,3ha (tại tọa độ tâm 67192, hệ tọa độ VN2000) thuộc đất rừng phòng hộ đã quy hoạch phát triển nguồn năng lượng mặt trời cho Côn Đảo.

- Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đã nhất trí chủ trương thực hiện dự án và chờ ý kiến cuối cùng của Bộ Quốc phòng về mặt quốc phòng của dự án tại văn bản số 459/BTL-BTM ngày 27/02/2018 và dự án thực hiện phù hợp với Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011.

- Tổng công ty Điện lực miền Nam có Văn bản số 5108/EVN SPC – KTGSMBĐ ngày 27/07/2018 đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phối hợp Tổng Công ty có văn bản đề nghị Bộ Quốc phòng sớm có chủ trương về

việc cấp đất thực hiện dự án đầu tư năng lượng mặt trời tại huyện Côn Đảo. Đồng thời Tổng Công ty đã có văn bản số 5109/EVN-SPC-KTGSM-BĐ ngày 27/07/2018 đề nghị Bộ Quốc phòng sớm có chủ trương về việc cấp đất thực hiện dự án.

- Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có văn bản số 9053/UBND - VP ngày 11/09/2018 về việc xin ý kiến về mặt Quốc phòng đối với dự án cấp điện bằng năng lượng mặt trời huyện Côn Đảo tại khu vực Bãi Đất Dốc, Huyện Côn Đảo.

- Bộ Quốc phòng đã có văn bản số 11097/BQP-TM ngày 04/10/2018 về việc ý kiến về mặt quốc phòng dự án cấp điện bằng nguồn năng lượng mặt trời huyện Côn Đảo tại khu vực bãi Đất Dốc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Tổng công ty Điện lực miền Nam có văn bản số 8363/EVN SPC - QLĐT ngày 20/11/2018, 142/EVN SPC - QLĐT ngày 05/01/2019, 2965/EVN SPC - ĐT ngày 16/04/2019 đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thỏa thuận vị trí xây dựng nhà máy năng lượng mặt trời tại Côn Đảo.

- Tổng công ty Điện lực miền Nam phê duyệt BCNCKT tại Quyết định số 916/QĐ-EVN SPC ngày 20/04/2020.

- Tổng công ty Điện lực miền Nam phê duyệt KHLCNT tại Quyết định số 1258/QĐ-EVN SPC ngày 08/06/2020.

* Hệ thống tích hợp nguồn điện cho hệ thống điện không nối lưới quốc gia tại huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

a. Quy mô xây dựng:

Dự kiến xây dựng trong khuôn viên Nhà máy điện mặt trời Côn Đảo dự kiến xây dựng tại Khu bãi Đất Dốc, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với quy mô đầu tư:

- Hệ thống máy biến áp nâng áp 2x0,4/22kV, Hệ thống điện 0,4kV nội bộ kết nối trạm nâng áp 22kV đã đầu tư kết hợp với dự án Cấp điện bằng nguồn điện mặt trời tại huyện Côn Đảo.

- Pin tích năng: lắp đặt các module pin tích năng với dung lượng 1.5MW/h 3MW/0,5h. Khả năng làm việc liên tục. Phần mềm giám sát có khả năng phát hiện chính xác module pin bị lỗi/ hư hỏng, khả năng điều khiển nạp xả để tối ưu tuổi thọ pin.

- Hệ thống hiển thị và điều khiển điện năng: có chức năng giám sát năng lượng toàn bộ hệ thống; phối hợp hoà đồng bộ giữa máy phát diesel, turbine gió, điện mặt trời và các thiết bị phụ trợ của hệ thống.

- Xây dựng nền móng đặt Container chứa pin và hệ thống điều hòa.

b. Tổng mức đầu tư dự kiến: 62.062.910.782 đồng

c. Tình hình thực hiện:

- Tổng công ty Điện lực miền Nam đã tổ chức họp thẩm định BCNCKT dự án Hệ thống tích hợp các nguồn điện không nối lưới tại huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo công văn số 4006/EVN SPC-QLĐT ngày 11/06/2018.

- Hiện tại, dự án chờ kế hoạch triển khai thực hiện đầu tư nguồn điện gió của nhà đầu tư khác mới phát huy hiệu quả.

- Tiến độ thực hiện dự kiến hoàn thành phê duyệt BCNCKT T08/2020, TKBVTC T11/2020, KQLCNT T1/2021.

* Ngoài ra hiện tại EVN SPC cũng đang thực hiện đầu tư và triển khai:

- Lắp đặt 01 tổ máy phát điện 1500kW(G6) tại Nhà máy điện An Hội huyện Côn Đảo, tỉnh BRVT, với giá trị 14,5 tỷ đồng (năm 2020-2021).

- Giai đoạn đến 2025: Lắp đặt 04 tổ máy phát 1.500kW, cụ thể là lắp 2x1500kW năm 2022 và giai đoạn 2 năm 2024 lắp 2x1500kW với tổng giá trị đầu tư công trình khoảng 65 tỷ đồng.

Việc cung cấp điện trong thời gian qua được đảm bảo ổn định, an toàn đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của Nhân dân, các khách hàng hiện tại, đảm bảo giữ đủ điện cho phát triển kinh tế của huyện đảo.

Trong thời gian vừa qua tiến độ thực hiện dự án Cấp điện bằng nguồn điện mặt trời tại Côn Đảo chậm hơn so với kế hoạch đề ra chủ yếu là do công tác thỏa thuận thống nhất vị trí nhà máy để thực hiện dự án.

Tính đến nay, trên địa bàn huyện Côn Đảo có 05 dự án nguồn năng lượng đang xúc tiến các thủ tục đầu tư, với tổng công suất lắp đặt dự kiến khoảng 35MW, công suất khả dụng khoảng 21MW; trong đó: 02 dự án đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Điện gió 4,5 MW – Cty Tài Nguyên Xanh; Điện mặt trời 5MW – Luxco Hàn Quốc), 03 dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư (Điện khí LNG – 18MW; Điện mặt trời 3MW – Tổng công ty Điện lực miền Nam; Điện mặt trời 5MW – TeraWood). Tuy nhiên cũng chưa dự án nào được triển khai đầu tư xây dựng.

Việc đảm bảo nguồn điện cung cấp cho huyện Côn Đảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư trên địa bàn Huyện là rất quan trọng, vì vậy để đảm bảo đủ nguồn điện, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và vận hành lưới điện an toàn trên địa bàn huyện Côn

Đảo. Tổng công ty Điện lực miền Nam kính đề nghị các Bộ/Ngành, UBND tỉnh, các Sở/Ngành của tỉnh hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư cũng như EVN SPC thực hiện đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện trên địa bàn Côn Đảo được sớm nhất, đặc biệt là công tác mặt bằng, giải phóng mặt bằng.

II. Lĩnh vực năng lượng tái tạo

1. Kiến nghị (SCT tỉnh An Giang)

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể công suất nhà máy điện bao nhiêu bắt buộc phải bổ sung quy hoạch phát triển điện lực và những trường hợp miễn bổ sung quy hoạch vào Thông tư quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện năng lượng tái tạo (Vì hiện nay các Thông tư đã ban hành không đề cập đến công suất nào bắt buộc phải bổ sung quy hoạch và công suất nào được miễn).

Trả lời (Cục DL&NLTT):

Đối với điện sinh khối: Tại Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2014 về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ “Đối với các dự án điện sinh khối chưa có trong danh mục của quy hoạch phát triển và sử dụng năng lượng sinh khối quốc gia và quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được duyệt, chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập Hồ sơ đề nghị bổ sung quy hoạch, gửi Bộ Công Thương thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định”.

Đối với các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn: Tại Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 31/2014/QĐ-TTg ngày 03 tháng 5 năm 2014 về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn của Thủ tướng Chính phủ “Đối với các dự án điện sinh khối chưa có trong danh mục của quy hoạch phát triển nguồn sử dụng chất thải rắn và quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được duyệt, chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập Hồ sơ đề nghị bổ sung quy hoạch, gửi Bộ Công Thương thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định”.

Đối với điện gió: điểm c khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió “Việc xem xét, phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch”.

Đối với điện mặt trời: theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và

Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án ĐMT, các dự án ĐMT nổi lưới không phân biệt quy mô công suất phải thực hiện bổ sung quy hoạch.

Như vậy, các dự án NLTT (trừ điện mặt trời mái nhà) không xác định quy mô công suất phải thực hiện thủ tục bổ sung quy hoạch. Từ ngày 1/1/2019, Luật Quy hoạch có hiệu lực, do đó Cục ĐL chưa có cơ sở để xây dựng Thông tư xác định công suất các dự án NLTT được miễn quy hoạch.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Trà Vinh)

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có 03 đơn vị hoạt động điện lực lĩnh vực phân phối và bán lẻ điện nông thôn (ngoài Tập đoàn Điện lực Việt Nam) chiếm tỷ lệ 41% hộ sử dụng điện toàn tỉnh, do đó để khuyến khích hỗ trợ điện mặt trời mái nhà, kiến nghị Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể cho đối tượng này theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam hướng dẫn các khách hàng đã đấu nối và ký hợp đồng mua bán điện mặt trời mái nhà với đơn vị thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam trước ngày 30/6/2019 theo Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg, nhưng nay có nhu cầu nâng cấp công suất.

Trả lời (Cục ĐL&NLTT):

Về nội dung này, tại điểm c khoản 2 Điều 5 dự thảo thông tư quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời đã quy định "Trường hợp hệ thống điện mặt trời mái nhà của Bên bán điện đấu nối vào lưới điện không phải là tài sản của Bên mua điện hoặc lưới điện của đơn vị phân phối và bán lẻ điện, Bên mua điện và Bên bán điện thỏa thuận với tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu lưới điện để thực hiện thỏa thuận đấu nối."

3. Kiến nghị (SCT tỉnh Long An)

3.1. Thực trạng trên địa bàn tỉnh Long An hiện còn khoảng 208 hộ dân không có điện sinh hoạt, thấp sáng (phần lớn là dân cư vùng khó khăn, sinh sống không tập trung, nằm rải rác khá nhiều nên dự kiến xuất đầu tư rất lớn trên 200 triệu đồng/hộ dân, ngành điện không đủ nguồn lực đầu tư, kinh doanh không hiệu quả).

Tỉnh Long An xét thấy giải pháp cấp điện nông thôn từ nguồn năng lượng tái tạo độc lập là thật sự cần thiết, sẽ có tính khả thi cao khi triển khai thực hiện và sẽ mang lại hiệu quả tốt đáp ứng nhu cầu điện thấp sáng cho người dân ở khu vực này. Theo tính toán của ngành điện, để cấp điện 01 hộ dân sử dụng điện

bình thường từ hệ thống Pin năng lượng mặt trời cần 25-30 triệu đồng lắp đặt, đủ sử dụng được 02 quạt, 04 đèn thấp sáng, 01 tủ lạnh và 01 ti vi).

Qua nghiên cứu văn bản số 3013/BCT-ĐL ngày 02/05/2019 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện dự án triển khai đầu tư cấp điện nông thôn từ nguồn năng lượng tái tạo (theo Quyết định 1740/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ), danh sách chỉ có 27/64 tỉnh, thành phố, không có tỉnh Long An (chỉ có Trà Vinh, Kiên Giang, Bạc Liêu...).

Do đó kiến nghị Bộ Công Thương xem xét bổ sung tỉnh Long An vào danh sách các địa phương thuộc Chương trình trên để Long An được hưởng các cơ chế chính sách ưu tiên vốn cấp điện nông thôn từ năng lượng tái tạo.

Trả lời (Cục ĐL&NLTT):

Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia, tỉnh Long An giai đoạn 2015 – 2020 (Dự án) do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) làm chủ đầu tư thuộc Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020 (Chương trình) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 2081/QĐ-TTg; Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình.

Trên cơ sở phối hợp với UBND tỉnh Long An về xác định danh mục đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định 2081/QĐ-TTg, EVN trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án, Bộ Công Thương đã phê duyệt tại Quyết định số 11826/QĐ-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2015, với mục tiêu cấp điện cho 11.677 hộ dân thuộc 264 thôn ấp của 110 xã trên địa bàn 13 huyện thuộc tỉnh; Quy mô đầu tư: Xây dựng 377,3 km đường dây trung áp, 688,7 km đường dây hạ áp và 768 trạm biến áp; Cấp điện cho 368 trạm bơm tưới quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh. Tổng mức đầu tư của Dự án là 484,5 tỷ đồng (85% vốn ngân sách trung ương, 15% vốn đối ứng của EVN). Về nguồn lực đầu tư theo phân kỳ:

- Nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2013 – 2020: Với nguồn lực ngân sách trung ương hạn chế, vốn cấp cho EVN rất nhỏ (340 tỷ đồng/nhu cầu 16.047 tỷ đồng). EVN triển khai tập trung chủ yếu hoàn thành các công trình dở dang tại Điện Biên, Sơn La, Trà Vinh và Sóc Trăng; Dự án có nhiều xã (24/40 xã), thôn/bản chưa có điện tại các tỉnh mới thuộc tỉnh Nghệ An, Khánh Hòa, Lạng Sơn, Hậu Giang, Cà Mau; cấp điện cho các đảo Cù Lao Chàm - Quảng Nam, Lý Sơn - Quảng Ngãi và một số đảo tỉnh Kiên Giang nên trong giai đoạn này EVN chưa bố trí nguồn lực để thực hiện Dự án của tỉnh Long An.

- Nguồn vốn ODA và các nguồn vay ưu đãi giai đoạn 2016-2020

+ Vốn ODA: Bộ Công thương làm việc với Tổ chức Liên minh Châu Âu tài trợ vốn không hoàn lại 108 triệu Euro cho Chương trình. Đến nay Chính phủ đã giao vốn cho 27 tiểu dự án tại Quyết định số 883/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu cấp điện khoảng 60.000 hộ của 750 thôn, bản đặc biệt khó khăn và 1 đảo (đảo Trần, tỉnh Quảng Ninh) của 25 tỉnh chưa có điện; EVN bố trí cấp điện cho đảo: 01 huyện đảo Bạch Long Vỹ và đảo Nhơn Châu, tỉnh Bình Định.

+ Vốn vay ưu đãi của các tổ chức tín dụng: Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tại Tờ trình số 7368/TTr-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2017, Bộ Công Thương trình nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ (ADB, WB) khoảng 20.856 tỷ đồng để đảm bảo nguồn lực. Tuy nhiên do điều kiện trần nợ công trong giai đoạn 2016 – 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 683/BKHĐT-KTCN ngày 01 tháng 02 năm 2018 về kết quả rà soát Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chưa đề xuất sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi để cấp phát cho các dự án điện nông thôn, miền núi và hải đảo. Nên đến nay chưa có nguồn lực để giao EVN triển khai thực hiện Dự án của Tỉnh.

- Kế hoạch nguồn vốn dự kiến cho giai đoạn 2021 - 2025:

+ Vốn vay ưu đãi: Bộ Công Thương đã trình Bộ kế hoạch và Đầu tư thẩm định Đề xuất Dự án/ Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, các Dự án thành phần sử dụng vốn vay ưu đãi của ADB tại Văn bản số 10144/BCT-ĐL, ngày 31 tháng 12 năm 2019 khoản vay 400 triệu USD; vốn WB tại Văn bản số 10145/BCT-ĐL ngày 31 tháng 12 năm 2019 khoản vay 360 triệu USD.

+ Vốn ODA: Hiện đang thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình chuyển đổi Năng lượng Việt Nam- EU, nguồn vốn ODA do Liên minh Châu Âu (EU) tài trợ với tổng nguồn vốn là 142 triệu EUR (Văn bản 471/BCT-ĐL ngày 20 tháng 1 năm 2020; Văn bản 3695/BCT-ĐL ngày 22 tháng 5 năm 2020).

Căn cứ quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cho phép sử dụng các nguồn vốn vay ưu đãi để cấp phát cho các dự án thuộc Chương trình, Bộ Công Thương sẽ hướng dẫn các chủ đầu tư, trong đó có tỉnh Long An để tổ chức triển khai thực hiện theo các hiệp định vay vốn ưu đãi của các tổ chức tín dụng.

3.2. Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét trình Chính phủ cho phân cấp thẩm quyền cho địa phương tỉnh được phê duyệt điều chuyển từ đất trồng rừng sản xuất sang đất năng lượng khi đã có Quy hoạch sử dụng đất theo Nghị quyết 33/NQ-CP ngày 07/05/2018 của Chính phủ và có Quy hoạch phát triển năng lượng mặt trời được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trả lời (Cục ĐL&NLTT):

Việc xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển năng lượng điện mặt trời trên cơ sở tiềm năng điện mặt trời tại khu vực dự án, sự thuận lợi giải tỏa công suất, sự phù hợp quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất.

Việc trình Chính phủ phân cấp thẩm quyền cho địa phương tỉnh phê duyệt điều chỉnh đất trồng rừng sản xuất sang đất năng lượng thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.3. Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét trình Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung quy hoạch phát triển điện lực 15 dự án nhà máy năng lượng mặt trời đã trình Bộ Công Thương chờ thẩm định phê duyệt bổ sung quy hoạch

Trả lời (Cục ĐL&NLTT):

Theo quy định tại Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam trong đó xác định giá FIT cho những dự án ĐMT đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư trước ngày 23 tháng 11 năm 2019 và có ngày vận hành thương mại của dự án hoặc một phần dự án trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, Bộ Công Thương có Văn bản số 1968/TTr-BCT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xác định giá điện cạnh tranh cho phát triển các dự án ĐMT tại Việt Nam. Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Thông báo số 221/TB-VPCP ngày 01 tháng 7 năm 2020, Bộ Công Thương sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch các dự án ĐMT nêu tại Văn bản số 1968/TTr-BCT để triển khai thí điểm cơ chế giá điện cạnh tranh và đấu thầu/đấu giá ĐMT trong thời gian tới.

Ngoài ra, việc thẩm định bổ sung các dự án ĐMT được thực hiện theo Thông báo số 14/TB-VPCP ngày 10 tháng 5 năm 2018, Thông báo số 296/TB-VPCP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Công Thương đã có Văn bản số 3970/BCT-ĐL ngày 21 tháng 5 năm 2018 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ về việc tạm dừng thẩm định riêng lẻ các

dự án ĐMT.

Việc tiếp tục xem xét phê duyệt bổ sung quy hoạch ĐMT sẽ được nghiên cứu trong quá trình lập Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII).

4. Kiến nghị (SCT tỉnh Bạc Liêu)

Theo quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió như sau:

- Khoản 7, Điều 2 quy định Diện tích sử dụng đất có thời hạn của dự án điện gió;

- Khoản 8, Điều 2 quy định Diện tích sử dụng đất tạm thời của dự án điện gió;

- Khoản 2, Điều 11 quy định Công trình điện gió phải nằm cách xa khu dân cư ít nhất 300 m;

- Khoản 2, Điều 12 quy định Diện tích đất sử dụng đất cho dự án điện gió phải phù hợp với quy mô công suất công trình. Suất sử dụng đất có thời hạn của dự án điện gió không quá không phẩy ba lăm (0,35) ha/MW. Diện tích sử dụng đất tạm thời của dự án điện gió không quá không phẩy ba (0,3 ha/MW).

Hiện nay tỉnh Bạc Liêu đang tổ chức triển thực hiện các dự án điện gió trên biển. Vì vậy kính đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn diện tích sử dụng mặt biển có thời hạn của dự án điện gió; diện tích sử dụng mặt biển tạm thời của dự án điện gió; khoảng cách giữa các công trình điện gió; suất sử dụng mặt biển có thời hạn suất sử dụng mặt biển tạm thời của dự án điện gió trên biển?

Trả lời (Cục DL&NLTT):

Hiện nay, thẩm quyền chủ trì việc giao mặt biển thuộc về Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh (tùy theo khoảng cách so với bờ). Diện tích giao mặt biển phụ thuộc vào nhiều yếu tố thực tế tại địa phương như giao thông biển, nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản.... Bộ Công Thương đã nhiều lần có văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường ý kiến về nội dung kỹ thuật như sau "Đối với các dự án điện gió trên biển, thông thường diện tích tối thiểu để sử dụng là diện tích móng các chân trụ tháp, hệ thống cầu dẫn vận hành, hệ thống cáp nối, các hạng mục phụ trợ khác (nếu có) và tính đến các khoảng cách bảo vệ an toàn cho các công trình khác được bố trí trên biển".

5. Kiến nghị (SCT tỉnh Bình Phước)

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 22/5/2020. Tuy nhiên, một số nội dung giao cho các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện vẫn chưa được hướng dẫn kịp thời. Cụ thể như sau: Chưa ban hành các quy định đấu nối vào hệ thống điện và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Đặc biệt, đối với hình thức đầu tư điện mặt trời áp mái có nối lưới có công suất dưới 1 MW: (i) Về quản lý thi giao hoàn toàn, chủ động cho EVN và các đơn vị thành viên là bên mua điện quyết định; (ii) đã xuất hiện tình trạng lách luật của các nhà đầu tư như chia nhỏ dự án, đầu tư không trên mái nhà kiên cố (nhà tạm). Sở Công thương không có cơ sở để kiểm tra, giám sát đầu tư và xử lý vi phạm. Vì vậy, đề nghị Bộ Công Thương có văn bản hướng dẫn cụ thể để có cơ sở thực hiện.

Trả lời (Cục ĐL&NLTT):

Điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) được khuyến khích phát triển theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg. Hệ thống ĐMTMN cần phải đáp ứng tiêu chí: i) Các tấm quang điện được lắp đặt trên mái nhà của công trình xây dựng; ii) Công suất không quá 01 MW; iii) Đấu nối trực tiếp hoặc gián tiếp vào lưới điện có cấp điện áp từ 35 kV trở xuống. Phát triển hệ thống ĐMTMN không phải thực hiện bổ sung quy hoạch điện, được miễn giấy phép hoạt động điện lực nhưng phải tuân thủ các quy định khác (nếu có) về xây dựng, PCCC, đất đai, an toàn, môi trường... và do địa phương quản lý theo quy định.

6. Kiến nghị (SCT tỉnh Bình Dương)

Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét cho ý kiến việc bổ sung quy hoạch nhà máy điện mặt trời Phước Hòa với công suất 30MWp vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (tại Công văn số 6235/UBND-KTN ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Bình Dương).

Trả lời (Cục ĐL&NLTT):

Theo quy định tại Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam trong đó xác định giá FIT cho những dự án ĐMT đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư trước ngày 23 tháng 11 năm 2019 và có ngày vận hành thương mại của dự án hoặc một phần dự án trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, Bộ Công Thương có Văn bản số 1968/TTr-

BCT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xác định giá điện cạnh tranh cho phát triển các dự án ĐMT tại Việt Nam. Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Thông báo số 221/TB-VPCP ngày 01 tháng 7 năm 2020, Bộ Công Thương sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch các dự án ĐMT nêu tại Văn bản số 1968/TTr-BCT để triển khai thí điểm cơ chế giá điện cạnh tranh và đấu thầu/đấu giá ĐMT trong thời gian tới.

Ngoài ra, việc thẩm định bổ sung các dự án ĐMT được thực hiện theo Thông báo số 14/TB-VPCP ngày 10 tháng 5 năm 2018, Thông báo số 296/TB-VPCP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Công Thương đã có Văn bản số 3970/BCT-ĐL ngày 21 tháng 5 năm 2018 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ về việc tạm dừng thẩm định riêng lẻ các dự án ĐMT.

Việc tiếp tục xem xét phê duyệt bổ sung quy hoạch ĐMT sẽ được nghiên cứu trong quá trình lập Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII).

7. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Nai)

7.1. Hiện nay, tại một số nơi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng và trên cả nước nói chung có tình trạng 01 doanh nghiệp thuê 01 nhà xưởng để đầu tư xây dựng dự án điện mặt trời với tổng công suất trên 01MW. Tuy nhiên, để dễ dàng trong việc đầu tư, không phải làm thủ tục bổ sung quy hoạch và hưởng quyền lợi của hệ thống điện mặt trời mái nhà, doanh nghiệp đã chia nhỏ dự án ra nhiều hệ thống điện mặt trời mái nhà có công suất dưới 01MW với pháp nhân khác nhau và đấu nối trực tiếp hoặc gián tiếp vào lưới điện có cấp điện áp từ 35 kV trở xuống của Bên mua điện.

Kiến nghị Bộ Công Thương sớm ban hành thông tư quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời thi hành Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam, trong đó có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp nêu trên.

Trả lời (Cục DL&NLTT):

Thực hiện Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam, Bộ Công Thương đang khẩn trương hoàn thành dự thảo để sớm ban hành thông tư

quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời.

Điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) được khuyến khích phát triển theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg. Hệ thống ĐMTMN cần phải đáp ứng tiêu chí: i) Các tấm quang điện được lắp đặt trên mái nhà của công trình xây dựng; ii) Công suất không quá 01 MW; iii) Đầu nối trực tiếp hoặc gián tiếp vào lưới điện có cấp điện áp từ 35 kV trở xuống. Phát triển hệ thống ĐMTMN không phải thực hiện bổ sung quy hoạch điện, được miễn giấy phép hoạt động điện lực nhưng phải tuân thủ các quy định khác (nếu có) về xây dựng, PCCC, đất đai, an toàn, môi trường... và do địa phương quản lý theo quy định.

7.2. Hiện nay, vấn đề bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, phát triển kinh tế xanh, bền vững luôn là vấn đề hàng đầu được Đảng và Nhà nước quan tâm, chỉ đạo sâu sát. Chính phủ cũng đã ban hành nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ và khuyến khích phát triển năng lượng sạch. Do đó tỉnh Đồng Nai đang thu hút nhiều dự án phát triển năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là năng lượng điện mặt trời. UBND tỉnh Đồng Nai đã trình Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công Thương xem xét phê duyệt bổ sung quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đối với 09 dự án Điện năng lượng mặt trời trên mặt hồ Thủy điện Trị An và vùng bán ngập hồ Trị An; Tập đoàn Điện lực EVN đề xuất Bộ Công Thương xem xét bổ sung quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 02 dự án điện năng lượng mặt trời tại khu vực hồ Thủy điện Trị An. Tổng công suất điện mặt trời trên hồ thủy điện Trị An và vùng bán ngập khoảng 4.866MW. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, chưa có dự án điện mặt trời nào được cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung quy hoạch phát triển điện lực.

Kiến nghị Bộ Công Thương sớm xem xét thẩm định phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung các dự án điện mặt trời nêu trên vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và sớm có hướng dẫn phương án đầu thầu/xác định giá điện cạnh tranh đối với các dự án điện mặt trời.

Trả lời (Cục DL&NLTT):

Việc phát triển điện mặt trời cũng như các nguồn năng lượng tái tạo khác được nghiên cứu, tính toán tổng thể trên cơ sở ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo nhưng vẫn phải đảm bảo cơ cấu nguồn điện hợp lý. Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công Thương đã phê duyệt bổ sung quy hoạch trên 10.000MW điện mặt trời.

Theo Thông báo số 402/TB-VPCP ngày 22/11/2019 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về dự thảo cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam, áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 tiếp theo Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện cơ chế đấu thầu phát triển điện mặt trời, báo cáo Thủ tướng Chính phủ để xem xét, ban hành làm cơ sở để thực hiện đối với các dự án còn lại và các dự án mới. Do đó, hiện nay chưa xem xét điều chỉnh bổ sung quy hoạch đối với các dự án điện mặt trời riêng lẻ.

Việc bổ sung quy hoạch các dự án điện mặt trời tiếp theo đang được Bộ Công Thương nghiên cứu, tính toán trong quá trình xây dựng Quy hoạch điện VIII, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 10 năm 2020.

8. Kiến nghị (SCT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

8.1. Đối với các hệ thống điện mặt trời mái nhà có công suất từ 50kW đến 1MW chiếm diện tích mái nhà lắp đặt tấm pin là tương đối lớn có khả năng ảnh hưởng đến việc đảm bảo yêu cầu về an toàn điện, an toàn công trình xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ. Vì vậy kiến nghị Bộ Công Thương hướng dẫn công tác kiểm tra, giám sát, quản lý chất lượng đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà theo quy định tại Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam.

Trả lời (Cục ĐL&NLTT):

Điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) được khuyến khích phát triển theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg. Hệ thống ĐMTMN cần phải đáp ứng tiêu chí: i) Các tấm quang điện được lắp đặt trên mái nhà của công trình xây dựng; ii) Công suất không quá 01 MW; iii) Đấu nối trực tiếp hoặc gián tiếp vào lưới điện có cấp điện áp từ 35 kV trở xuống. Phát triển hệ thống ĐMTMN không phải thực hiện bổ sung quy hoạch điện, được miễn giấy phép hoạt động điện lực nhưng phải tuân thủ các quy định khác (nếu có) về xây dựng, PCCC, đất đai, an toàn, môi trường... và do địa phương quản lý theo quy định.

8.2. Về lắp đặt điện mặt trời mái nhà tại các cơ quan công sở và trường học, bệnh viện để đáp ứng nhu cầu điện sử dụng vào ban ngày là rất hiệu quả, tuy nhiên theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công không quy định

việc sử dụng mái nhà để cho thuê thực hiện dự án điện mặt trời, vì vậy đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, đề xuất cơ chế cho thuê mái nhà để huy động các nguồn lực ngoài ngân sách thúc đẩy phát triển điện mặt trời mái nhà.

Trả lời (Cục ĐL&NLTT):

Vệc cho thuê, đăng ký lắp đặt hệ thống ĐMTMN được thực hiện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg và các quy định hiện hành khác. Các quy định liên quan đến Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đề nghị SCT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu báo cáo UBND tỉnh kiến nghị, đề xuất với Bộ Tài chính theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

III. Về Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Kiến nghị (SCT tỉnh An Giang)

- Kiến nghị sớm ban hành Thông tư thay thế thông tư số 09/2012/TT-BCT ngày 20/4/2012 quy định về việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ sở, doanh nghiệp xác định mức tiêu hao năng lượng trong các ngành công nghiệp bắt buộc báo cáo định mức tiêu hao năng lượng; lớp tập huấn truy cập số liệu kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, kiểm toán năng lượng trên hệ thống dữ liệu năng lượng quốc gia <http://www.dataenergy.vn/>.

Trả lời (Vụ TKNL):

- Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2012/TT-BCT về quy định việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, thực hiện kiểm toán năng lượng (Thông tư) đã được đưa vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 tại Quyết định số 3783/QĐ-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Theo kế hoạch, Thông tư sẽ được ban hành trong quý III năm 2020. Hiện nay, Vụ TKNL đã hoàn thành việc đăng thông tin dự thảo 2 của Thông tư trên trang web của Bộ Công Thương và Cổng thông tin điện tử Chính phủ trong 60 ngày. Vụ TKNL sẽ tiến hành lấy ý kiến các tỉnh thành, đơn vị liên quan để hoàn thiện và trình Bộ trưởng ban hành trong Quý III năm 2020 iheo đúng tiến độ.

- Nhất trí về việc tổ chức các lớp tập huấn, cụ thể:

+ Vụ TKNL đã tổ chức triển khai một số lớp đào tạo, tập huấn về sử dụng hệ thống báo cáo trực tuyến trên trang web <http://www.dataenergy.vn/>;

+ Trong thời gian tới, Vụ TKNL sẽ tổ chức các chương trình đào tạo cho các Sở Công Thương, doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn các tỉnh thành về xác định, báo cáo suất tiêu hao năng lượng trong khuôn khổ Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Trà Vinh)

Kiến nghị Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và ban hành Thông tư hướng dẫn cụ thể về nội dung và định mức chi đối với hoạt động sản xuất sạch hơn vì tại điểm h Điều 6 Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương quy định “Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng SXSH tại các cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện theo Thông tư 221/2012/TTLT-BTC-BCT ngày 24/12/2012”, tuy nhiên tại Thông tư này không quy định cụ thể nội dung và mức chi chi tiết, từ đó rất khó triển khai thực hiện.

Trả lời (Cục CTDP):

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 28/2018/TT-BTC về việc hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công, thay thế cho Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của liên Bộ Công Thương - Bộ Tài chính.

Nội dung và mức chi đối với hoạt động sản xuất sạch hơn được quy định chi tiết tại khoản 3, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC như sau: “Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình”.

IV. Công trình điện

1. Kiến nghị (SCT tỉnh Sóc Trăng)

Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2015 – 2020 được Bộ Công Thương phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 11830/QĐ-BCT ngày 30/10/2015. Theo đó, Bộ Công Thương là cơ quan chủ quản đầu tư; Tổng công ty Điện lực miền Nam là chủ đầu tư. Với

mục tiêu cấp điện cho khoảng 12.603 hộ dân và cấp điện cho 208 trạm bơm điện phục vụ cho tưới tiêu trong nông nghiệp; tổng vốn khoảng 425 tỷ đồng, sử dụng từ nguồn ngân sách Trung ương và vốn của chủ đầu tư.

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016-2020, để góp phần giảm bớt khó khăn cho bà con nông dân chưa có điện và chủ động trong tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống xâm nhập mặn, tạo động lực xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, Sở Công Thương kiến nghị Bộ Công Thương phối hợp các Bộ ngành có liên quan xem xét, sớm bố trí nguồn vốn cho dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2015 – 2020.

Trả lời (Cục DL&NLTT):

Dự án điện nông thôn tỉnh Sóc Trăng giao EVN làm chủ đầu tư theo Quyết định số Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013 -2020, ngày 30/10/2015 Bộ Công Thương phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 11830/QĐ-BCT với mục tiêu cấp điện cho 12.063 hộ dân nông thôn thuộc 274 thôn ấp của 80 xã trong 9 huyện, quy mô đầu tư: 491 trạm biến áp, 400 km đường dây trung thế và 575 km đường dây hạ thế với tổng vốn khoảng 425 tỷ đồng thực hiện theo cơ chế 85% NSTW 15% vốn của chủ đầu tư.

Nguồn lực: Đến nay, với kế hoạch giao vốn trung hạn rất hạn chế, nên EVN chỉ bố trí vốn cho mức ưu tiên là các đảo, xã đảo và các xã (Đảo Lý Sơn, Cù Lao Chàm), triển khai cấp điện cho các xã (24/40 xã) chưa có điện lưới quốc gia và một số thôn bản đặc biệt khó khăn vùng sâu vùng xa biên giới. Thủ tướng Chính phủ giao sử dụng vốn của EVN để cấp điện một số đảo của tỉnh Kiên Giang (Hòn Nghệ và xã đảo Sơn Hải đã được cấp điện; kế hoạch đến 2020: xã đảo An Sơn, Nam Du).

- Kế hoạch nguồn vốn dự kiến cho giai đoạn 2021 - 2025:

+ Vốn vay ưu đãi: Bộ Công Thương đã trình Bộ kế hoạch và Đầu tư thẩm định Đề xuất Dự án/ Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, các Dự án thành phần sử dụng vốn vay ưu đãi của ADB tại Văn bản số 10144/BCT-

ĐL, ngày 31 tháng 12 năm 2019 khoản vay 400 triệu USD; vốn WB tại Văn bản số 10145/BCT-ĐL ngày 31 tháng 12 năm 2019 khoản vay 360 triệu USD.

+ Vốn ODA: Hiện đang thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình chuyển đổi Năng lượng Việt Nam- EU, nguồn vốn ODA do Liên minh Châu Âu (EU) tài trợ với tổng nguồn vốn là 142 triệu EUR (Văn bản 471/BCT-ĐL ngày 20 tháng 1 năm 2020; Văn bản 3695/BCT-ĐL ngày 22 tháng 5 năm 2020).

Căn cứ quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cho phép sử dụng các nguồn vốn vay ưu đãi để cấp phát cho các dự án thuộc Chương trình, Bộ Công Thương sẽ hướng dẫn các chủ đầu tư, trong đó có tỉnh Sóc Trăng để tổ chức triển khai thực hiện theo các hiệp định vay vốn ưu đãi của các tổ chức tín dụng.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Trà Vinh)

Kiến nghị Bộ Công Thương chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam triển khai đầu tư các dự án đường dây và trạm biến áp theo Quyết định số 1940/QĐ-BCT ngày 19/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn đến 2016 - 2025, có xét đến 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV gồm:

+ Triển khai thi công Trạm biến áp 110kV Trà Cú và đường dây 110kV Cầu Kè - Trà Cú - Duyên Hải, đã đền bù giải phóng mặt đất năm 2018 đến nay chưa triển khai thi công.

+ Xây dựng Trạm biến áp 220kV Duyên Hải và hướng tuyến công trình Đường dây 220kV đầu nối, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đã chấp thuận vị trí và hướng tuyến tại Công văn số 2640/UBND-CN XD ngày 15/7/2019.

+ Xây dựng trạm và hướng tuyến đường dây đầu nối trạm biến áp 110kV Dân Thành, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đã chấp thuận vị trí và hướng tuyến tại Công văn số 4835/UBND-CN XD ngày 28/12/2018.

+ Xuất tuyến trạm 220kV Trà Vinh (đầu nối vào đường dây Vũng Liêm - Long Đức), tỉnh Trà Vinh, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đã chấp thuận vị trí và hướng tuyến tại Công văn số 3257/UBND-CN XD ngày 11/9/2017.

+ Công trình đường dây mạch 2 từ Trạm 220kV Trà Vinh 2 - Trạm 110kV Cầu Kè; Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có Công văn số 1468/UBND-CN XD ngày 21/4/2020 về thỏa thuận tuyến đường dây.

Trả lời (Cục ĐL&NLTT):

Các công trình lưới điện do Sở Công Thương Trà Vinh đề nghị đều được phê duyệt trong Quy hoạch phát triển quốc gia (Quy hoạch điện VII hiệu chỉnh) và Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035 được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 1940/QĐ-BCT ngày 19 tháng 5 năm 2016. Các công trình này không những có tác dụng cung cấp điện cho phụ tải, mà còn có chức năng giải tỏa công suất nguồn điện năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) trên địa bàn Tỉnh. Việc sớm đưa vào vận hành các công trình này, nhất là giai đoạn đến cuối năm 2021 là cần thiết. Cục ĐL sẽ phối hợp đôn đốc, các đơn vị ngành điện tổ chức triển khai các công trình này.

Tiến độ triển khai các công trình lưới điện theo báo cáo của các đơn vị ngành Điện như sau:

*** TBA 220 kV Duyên Hải 2:**

Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia đang giao Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Nam tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, dự kiến tiến độ năm 2022.

*** Trạm 110kV Trà Cú và Đường dây 110kV Cầu Kè-Trà Cú- Duyên Hải:**

- Gói xây lắp W7: SPC đã ký hợp đồng. Ngày 27/05/2020 khởi công công trình.
- Mặt bằng thi công: Đã giải quyết mặt bằng thi công phần trạm và 167/171 vị trí trụ phần đường dây. Còn lại 04 vị trí các hộ dân không thống nhất đơn giá bồi thường được duyệt, hiện Ban A tiếp tục phối hợp với địa phương vận động dân bàn giao mặt bằng thi công.

*** Xuất tuyến trạm 220kV Trà Vinh 2 (TDTM):**

Kế hoạch SPC giao khởi công: tháng 05/2020; đóng điện: tháng 12/2020.

- Ban A đã ký hợp đồng xây lắp ngày 09/06/2020. Dự kiến khởi công trong tháng 07/2020.
- Mặt bằng thi công: đã hoàn tất công tác đo vẽ địa chính và kiểm đếm, đang triển khai công tác khảo sát giá đất. Ngày 10/6/2020 Ban A đã có văn bản số 3449/ADLMN – QLCTĐ 2 gửi UBND huyện Châu Thành xin chủ trương tổ chức vận động người dân cho thi công phần móng trước khi đền bù GPMB. Đã vận động dân bàn giao trước mặt bằng 03/16 vị trí.

*** Trạm 110kV Dân Thành và ĐZ đấu nối:**

Đã phê duyệt BCNCKT tại Quyết định số 3299/QĐ-EVN SPC ngày 14/11/2019

Hiện nay đã có 8 dự án đã được bổ sung quy hoạch với tổng công suất 2820 MWp và 8 dự án đang trình bổ sung quy hoạch với tổng công suất 300 MWp đang xin bổ sung quy hoạch. Tính tới cuối năm 2019, tỉnh Tây Ninh đã đưa vào vận hành được 678 MW năng lượng tái tạo (trong đó có 641 MW điện mặt trời và 37 MW điện sinh khối). Tây Ninh là một trong số 3 tỉnh có tỉ lệ đưa vào vận hành các dự án năng lượng tái tạo cao nhất thời gian vừa qua (chỉ sau tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận). Đặc biệt, các dự án đều được khai thác toàn bộ công suất phát nhờ vào hạ tầng lưới điện hoàn chỉnh.

Liên quan tới trạm 500 kV Tây Ninh 1, hiện nay Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia đang trong quá trình triển khai công tác chuẩn bị đầu tư lựa chọn địa điểm. Về cơ bản, quá trình triển khai dự án được sự đồng thuận, tạo điều kiện của tỉnh nên dự án có khả năng đưa vào vận hành đúng tiến độ.

Đối với dự án trạm 220k V Tây Ninh 2, hiện nay trạm đang trong quá trình triển khai xây dựng và dự kiến đưa vào vận hành trong Quý IV năm 2020, sẽ giúp bổ sung nguồn công suất đáng kể cho tỉnh, đảm bảo cấp điện cho khu công nghiệp Phước Đông.

Trạm 220 kV Tân Biên và đường dây đấu nối trạm hiện đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư. Hiện nay, chủ đầu tư đang lập dự án và sẽ trình Bộ Công Thương thẩm định thiết kế trong thời gian tới. Bộ Công Thương sẽ có chỉ đạo để đẩy nhanh tiến độ dự án giúp bổ sung nguồn cấp cho khu vực phía Bắc tỉnh và đảm bảo cấp điện phục vụ phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng khu vực vùng giáp biên giới với Campuchia.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2966/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 đảm bảo cung cấp đủ điện cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và đáp ứng tiêu chí N-1. Trên cơ sở đó, Tổng Công ty Điện lực miền Nam sẽ tiến hành thực hiện triển khai đầu tư các dự án theo đúng quy hoạch được duyệt.

Trong Quá trình thực hiện, nếu các đơn vị có vướng mắc liên quan tới thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Công Thương, Bộ Công Thương sẽ khẩn trương xem xét để giải quyết.

Bộ Công Thương kiến nghị Tỉnh chỉ đạo các Sở, ban ngành tạo điều kiện hỗ trợ về thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng để các chủ đầu tư có khả năng triển khai các dự án đúng tiến độ, đảm bảo cấp điện cho tỉnh.

V. Về cấp giấy phép hoạt động điện lực và chứng chỉ năng lực

1. Kiến nghị (SCT tỉnh An Giang)

Đề nghị sớm ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực (nhằm hướng dẫn Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương).

Trả lời (Cục ĐTĐL):

Hiện nay, Bộ Công Thương đang thực hiện xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực và Dự thảo thông tư đã thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương để lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân. Sau thời gian đăng Web và lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật hiện hành, Bộ Công Thương sẽ tổng hợp, đánh giá, tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn thiện và sớm ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 36/2018/TT-BCT

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Trà Vinh)

Về việc thu phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực:

Theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực quy định như sau: “Tổ chức, cá nhân được cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực phải đáp ứng các điều kiện chung sau:....Nộp lệ phí, phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định”. Trong khi tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương đã bãi bỏ Điều 28 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ”. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực quy định: “Tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực

khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực phải nộp phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định tại Thông tư này”. Do đó, kiến nghị Bộ Công Thương tổng hợp, phản ánh đến Bộ Tài chính quy định thống nhất việc thu phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực nêu trên.

Trả lời (Cục ĐTĐL):

Tại Điều 2 Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực có quy định người nộp phí là tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ. Mặc dù tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ đã bãi bỏ Điều 28 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP. Về nội dung này Bộ Công Thương sẽ nghiên cứu để có ý kiến với Bộ Tài chính.

PHẦN E – CÁC NỘI DUNG KIẾN NGHỊ KHÁC

1. Kiến nghị (SCT tỉnh An Giang)

Về giá cụ thể dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ

- Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá. Tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 149/2016/NĐ-CP có nêu rõ: “Ủy ban nhân dân tỉnh quy định: giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước”.

Theo Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang. Tại điểm e khoản 1 Điều 10 của Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND có nêu rõ: “ Sở Công Thương có trách nhiệm xây dựng phương án, thẩm định, trình và quyết định phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của UBND tỉnh: giá cụ thể dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá tối đa dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước”.

Theo các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành có liên quan, địa phương xây dựng

và tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh An Giang theo Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2018.

Qua hơn 02 năm triển khai thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 gặp nhiều khó khăn do quy định giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, không áp dụng cho nhiều chợ được. Sở Công Thương đã báo cáo UBND tỉnh và được UBND tỉnh chấp thuận (CV số 5765/VPUBND-KTTH ngày 12/11/2019) giao Sở Công Thương thuê đơn vị tư vấn, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định điều chỉnh, bổ sung (hoặc thay thế) Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

Từ những khó khăn nêu trên, Sở Công Thương đề xuất Bộ Công Thương kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 theo hướng không quy định giá cụ thể dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ mà là xây dựng khung giá để áp dụng cho nhiều chợ.

Trả lời (Vu TTTN):

Theo Quy định tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP (Khoản 7, Điều 1), “Ủy ban nhân dân tỉnh quy định: giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước”.

Việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2016/NĐ-CP nêu trên thuộc thẩm quyền của ngành tài chính, do đó đề nghị Sở Công Thương có ý kiến đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để kiến nghị với Bộ Tài chính theo thẩm quyền, đồng thời kiến nghị UBND cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Công Thương thực hiện cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

Ngoài ra, đối với các kiến nghị không thuộc thẩm quyền của ngành công thương, đề nghị Cục Công Thương địa phương đầu mối, tổng hợp và chuyển các bộ ngành chức năng để xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

2. Kiến nghị (SCT tỉnh Trà Vinh)

Về thủ tục Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m³

đến dưới 5.000m³, kho LPG và LNG có dung tích kho dưới 5.000m³ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Từ khi Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có hiệu lực và các Nghị định khác có liên quan, địa phương đã bãi bỏ quy hoạch ngành liên quan đến các ngành nghề theo tinh thần của Nghị định. Từ đó, nhiều doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu và kinh doanh khí được hình thành và phát triển mới, góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, tại địa phương khi triển khai thực hiện còn một số vướng mắc như: Thủ tục Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m³ đến dưới 5.000m³, kho LPG và LNG có dung tích kho dưới 5.000m³ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, được quy định tại Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng và Công văn số 5359/BCT-TTTN ngày 06/7/2018 của Bộ Công Thương về việc triển khai Nghị định số 08/2018/NĐ-CP và đầu tư trạm cung cấp dầu nhớt.

Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi và rút ngắn thời gian cho các Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư kho xăng dầu, kho LPG và LNG, Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh kiến nghị Bộ Công Thương bãi bỏ thủ tục nêu trên. Khi thủ tục nêu trên được bãi bỏ, Doanh nghiệp thực hiện thủ tục đầu tư kho xăng dầu, kho LPG và LNG sẽ thực hiện Dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và triển khai các bước tiếp theo theo quy định của Luật Xây dựng... Từ đó, góp phần tạo môi trường đầu tư thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho Doanh nghiệp sớm hoàn chỉnh thủ tục và đưa Dự án vào hoạt động.

Trả lời (Vu KH):

Theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017, Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt thuộc danh mục Quy hoạch ngành quốc gia. Vì vậy, cho đến khi Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt thuộc danh mục Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 được quyết định, phê duyệt thì hệ thống kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG tiếp tục được quản lý và thực hiện theo các quy hoạch đã được phê duyệt.

Theo Nghị quyết số 751/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 110/NĐ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ ban hành Danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, Quy hoạch hệ thống dự trữ dầu thô và sản phẩm xăng dầu của Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1030/QĐ-TTg ngày 13/7/2017 thuộc đối tượng được tích hợp vào quy hoạch ngành quốc gia và được thực hiện đến khi Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030 được quyết định, phê duyệt. Trong quá trình thực hiện có thể điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế. Trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu được thực hiện theo pháp luật chuyên ngành trước đây (Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương và Thông tư số 34/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2017 sửa đổi một số điều của Thông tư 39/2013/TT-BCT).

Theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 Quyết định 1030/QĐ-TTg và quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư số 39/2013/TT-BCT, Quy hoạch hệ thống kho xăng dầu có sức chứa dưới 5.000 m³ do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và bổ sung, điều chỉnh phù hợp với hệ thống kho xăng dầu trên phạm vi cả nước.

Trong trường hợp Tỉnh chưa xây dựng và ban hành riêng Quy hoạch hệ thống kho xăng dầu (đối với kho có sức chứa dưới 5.000 m³), Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét tổ chức thẩm định, bổ sung vào Quy hoạch có nội dung hạ tầng thương mại trên địa bàn Tỉnh. Nội dung này sẽ được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030.

Hiện nay, Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương và Thông tư số 34/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2017 sửa đổi một số điều của Thông tư 39/2013/TT-BCT là căn cứ pháp lý để thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hệ thống dự trữ dầu thô và sản phẩm xăng dầu của Việt Nam trên phạm vi cả nước cho đến khi Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030 và Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 được quyết định, phê duyệt. Việc bãi bỏ hoặc sửa đổi bổ sung các quy định tại các Thông tư này sẽ được xem xét thực hiện sau đó.

3. Kiến nghị (SCT tỉnh Trà Vinh)

Về kiểm soát thủ tục hành chính: Tại chương III, chương IV Thông tư số 18/2018/TT-BCT ngày 19/7/2018 của Bộ Công Thương quy định về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương có nêu các quy định về kiểm soát TTHC, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định TTHC được rà soát thực hiện dựa trên cơ sở dữ liệu được công bố công khai tại website: <http://kstthc.moit.gov.vn>; tuy nhiên hiện nay trang tin điện tử thành phần này của Bộ Công Thương đã đóng nên Sở Công Thương các tỉnh, thành phố thiếu cơ sở pháp lý trong quá trình tra cứu, rà soát, kiểm soát nội dung TTHC cũng như xử lý phản ánh, kiến nghị quy định TTHC trong lĩnh vực công thương. Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét, nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 18/2018/TT-BCT ngày 19/7/2018 của Bộ Công Thương kịp thời, nhằm giúp địa phương kiểm soát TTHC thực hiện đảm bảo đúng quy định.

Trả lời (Văn phòng Bộ):

Ngày 9/12/2019, Văn phòng Chính phủ chính thức khai trương cổng dịch vụ công quốc gia về TTHC và hệ thống xử lý phản ánh kiến nghị (PAKN), để triển khai thực hiện được đồng bộ. Thực hiện đề nghị của Văn phòng Chính phủ về việc rà soát, chuẩn hóa chuyển đổi dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC sang Cổng dịch vụ công quốc gia, Bộ Công Thương đã kịp thời thống kê, rà soát, chỉnh sửa các trường thông tin đảm bảo phù hợp với yêu cầu chuyển đổi tại Cổng dịch vụ công quốc gia, do đó đến nay tất cả các Quyết định công bố và 444 TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã được chuẩn hóa công bố, công khai đầy đủ trên cổng dịch vụ công quốc gia về TTHC.

Đối với Hệ thống xử lý PAKN hiện nay cũng đã được Bộ Công Thương rà soát, theo đó tất cả các PAKN được tiếp nhận từ địa phương, doanh nghiệp và cá nhân đều được Bộ Công Thương tiếp nhận và xử lý đúng hạn theo quy định.

Đề nghị Sở Công Thương tiến hành cập nhật các Quyết định công bố và TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia để đảm bảo tính thống nhất trong việc truy nhập tra cứu, rà soát thông tin nội dung TTHC, cũng như xử lý các PAKN có quy định TTHC trong lĩnh vực Công Thương được đảm bảo.

4. Kiến nghị (SCT thành phố Cần Thơ)

Căn cứ Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 Bộ Công Thương ban hành quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2020 và thay thế Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12

năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. Trong đó, có quy định sửa đổi, bổ sung 01 thủ tục hành chính “Cấp thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy và quản lý hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa”.

Tuy nhiên, đến thời điểm báo cáo, Sở Công Thương vẫn chưa nhận được Quyết định công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung đối với thủ tục hành chính này.

Trả lời (Vu KHCN):

Thông tư 36/2019/TT-BCT quy định việc cấp giấy xác nhận công bố hợp quy theo yêu cầu về nội dung, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định 74/2018/NĐ-CP. Đồng thời, theo quy định, việc quy định về thủ tục hành chính phải được quy định ở cấp Nghị định. Do đó, Thông tư 36/2019/TT-BCT không quy định thêm về thủ tục hành chính. Hiện nay thủ tục hành chính “Cấp thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy và quản lý hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa” tiếp tục được thực hiện theo Quyết định đã công bố của Bộ Công Thương./.

5. Kiến nghị (SCT tỉnh Đồng Nai)

Để khích lệ tinh thần tập thể, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành công thương Đồng Nai tiếp tục hăng say lao động, cống hiến, phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ của ngành. Sở Công Thương Đồng Nai kính đề nghị Bộ Công Thương sớm xem xét, hỗ trợ việc khen thưởng cho tập thể và cá nhân của ngành Công Thương Đồng Nai đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm 2019.

Trả lời (VP Bộ):

Ngày 09/7/2020, Bộ Công Thương đã có công văn số 4978/BCT-VP gửi Sở Công Thương về việc trả lời đề nghị khen thưởng.

6. Kiến nghị (SCT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

Về công tác hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch covid-19

- Có biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc chủ động tìm nguồn cung cấp nguyên phụ liệu thay thế. Bên cạnh đó, khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất các nguyên phụ liệu đầu vào cho một số ngành công nghiệp như dệt

may, da-giày (các ngành phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu) tăng cường sản xuất để đáp ứng một phần nhu cầu nội địa của Việt Nam.

- Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mạnh vào công nghiệp chế biến, giảm xuất khẩu thô, nâng cao chất lượng sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm ngành nông nghiệp.

Trả lời (Cục CN):

Trong tháng 2 và đầu tháng 3 năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid 19, phần lớn các doanh nghiệp tại Trung Quốc có kỳ nghỉ Tết kéo dài để kiểm soát và khống chế dịch bệnh, Việt Nam và Trung Quốc phải thực hiện các biện pháp giám sát, tăng cường kiểm dịch trong hoạt động xuất nhập khẩu. Do đó, nguồn cung nguyên vật liệu của rất nhiều ngành hàng từ Trung Quốc bị gián đoạn, ảnh hưởng đến nhiều nhà máy tại Việt Nam và các nước trên thế giới. Các đơn vị chức năng trong Bộ Công Thương đã hỗ trợ cùng với các doanh nghiệp Việt Nam tích cực tìm kiếm các nguồn cung thay thế từ nguồn cung trong nước và nước ngoài như Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Thái Lan, Pakistan, Thổ Nhĩ Kỳ...nhằm duy trì sản xuất.

Từ đầu tháng 3, Trung Quốc đã bước qua đỉnh dịch, nhiều doanh nghiệp đã quay lại sản xuất, việc nhập khẩu nguyên phụ liệu từ Trung Quốc của hầu hết các ngành, trong đó có ngành dệt may, da giày đã đi vào ổn định và đến nay đã cơ bản được giải quyết.

Về biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước sản xuất các nguyên liệu đầu vào cho một số ngành công nghiệp, Cục Công nghiệp đang chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan soạn thảo, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt một số văn bản sau:

- Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.
- Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 111/2015/NĐ-CP nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu tại chỗ và tiến tới giảm bớt sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu.
- Dự thảo Chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may, da giày Việt Nam nhằm đưa ra những cơ chế, chính sách giải pháp phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực dệt may, da giày.

Các văn bản trên khi được phê duyệt sẽ khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp dệt may, da giày trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh.

7. Kiến nghị (SCT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

Về công tác hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch covid-19

Đề nghị có chính sách khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp ngành trong công tác xúc tiến thương mại, mở rộng, tìm kiếm các thị trường mới chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi dịch bệnh.

Trả lời (Cục XTTM):

Dịch Covid-19 tạo ra những thay đổi lớn đối với chuỗi sản xuất, cung ứng và hình thái thương mại toàn cầu và hoạt động xúc tiến thương mại cũng không nằm ngoài xu thế chung đó. Cục XTTM sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, phân tích, đánh giá kết quả những giải pháp đang triển khai để tham mưu, đề xuất tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác XTTM; xúc tiến thương mại có trọng tâm, trọng điểm đối với từng ngành hàng, từng thị trường, đặc biệt khai thác các thị trường đối tác FTA; kể cả việc đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách liên quan, thiết lập hệ sinh thái về XTTM nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, tổ chức XTTM trong việc tổ chức thực hiện hoạt động XTTM, xúc tiến xuất khẩu cũng như phát triển thị trường nội địa trong thời gian tới.

